

KẾ HOẠCH BÀI DẠY
MÔN: TOÁN - LỚP 4

BÀI 1: ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100 000 (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS lập được các số trong phạm vi 100000; đọc, viết số, cấu tạo số, viết số thành tổng theo các hàng.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học.
- Năng lực giao tiếp toán học.
- Năng lực mô hình hoá toán học.
- Năng lực giải quyết vấn đề toán học.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Đồ dùng:

- GV: Thẻ số — bảng số dùng cho bài tập 3; một số tờ tiền (hoặc hình vẽ) dùng cho bài tập 6 (nếu cần).
- HS: Một số tờ tiền dùng cho bài tập 6 (nếu cần).

2. Phương pháp, kĩ thuật:

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.
- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG:	
★ Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.	
<ul style="list-style-type: none">- GV tổ chức cho HS thực hiện Trò chơi: “Đố bạn”- GV hướng dẫn và tổ chức trò chơi:- GV: Nêu cấu tạo số hoặc đọc số. HS: Viết số (bảng con) hoặc ngược lại.	<ul style="list-style-type: none">- HS thay nhau đố cả lớp hoặc chơi theo nhóm đôi - hai em đố nhau.
B. THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP	

Bài 1:

★ **Mục tiêu:** Học sinh lập được các số trong phạm vi 100000; đọc, viết số, cấu tạo số, viết số thành tổng theo các hàng.

★ **Cách thực hiện:**

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu.
- GV hướng dẫn HS tìm hiểu mẫu.
- GV nói cấu tạo số: “Số gồm 3 chục nghìn, 7 nghìn, 6 trăm, 5 chục và 9 đơn vị” → HS viết số vào bảng con rồi đọc số, viết số thành tổng.
- GV viết số lên bảng lớp (hoặc dùng bảng con của HS) để vấn đáp và thao tác giúp HS nhận biết giá trị của các chữ số trong một số bằng cách chỉ tay vào chữ số để HS nói.

Ví dụ:



- GV tổ chức cho HS thực hiện những yêu cầu còn lại.

- 1 Thực hiện theo mẫu.
Mẫu: Số gồm 3 chục nghìn, 7 nghìn, 6 trăm, 5 chục và 9 đơn vị.
Viết số: 37659
Đọc số: Ba mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi chín.
Viết số thành tổng: $37659 = 30\,000 + 7\,000 + 600 + 50 + 9$.
- a) Số gồm 6 chục nghìn, 8 nghìn, 1 trăm, 4 chục và 5 đơn vị.
 - b) Số gồm 1 chục nghìn, 2 nghìn và 2 trăm.
 - c) Số gồm 4 nghìn và 1 đơn vị.

- HS đọc yêu cầu.
- HS tìm hiểu mẫu.
- HS quan sát, lắng nghe.
- HS thực hiện theo sự hướng dẫn của GV.

- HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ với bạn.

Lời giải chi tiết:

a) Số gồm 6 chục nghìn, 8 nghìn, 1 trăm, 4 chục và 5 đơn vị

Viết số: 68 145

Đọc số: Sáu mươi tám nghìn một trăm bốn mươi lăm

Viết số thành tổng: $68\,145 = 60\,000 + 8\,000 + 100 + 40 + 5$

b) Số gồm 1 chục nghìn, 2 nghìn và 2 trăm

Viết số: 12 200

Đọc số: Mười hai nghìn hai trăm

Viết số thành tổng: $12\ 200 = 10\ 000 + 2\ 000 + 200$

c) Số gồm 4 nghìn và 1 đơn vị

Viết số: 4 001

Đọc số: Bốn nghìn không trăm linh một

Viết số thành tổng: $4\ 001 = 4\ 000 + 1$

Lưu ý: Khi sửa bài, GV khuyến khích nhiều HS nói.

Bài 2:

★ **Mục tiêu:** Học sinh nhận biết được quy luật dãy số, tìm được số còn thiếu trong dãy số.

★ **Cách thực hiện:**

- GV gọi HS đọc yêu cầu.
- GV tổ chức HS thảo luận (nhóm bốn) tìm hiểu bài, tìm cách làm:

Dãy các số tròn chục, tròn trăm, tròn chục nghìn;

Các số trong mỗi dãy số theo thứ tự từ bé đến lớn

→ *Đếm thêm: câu a — thêm 10; câu b - thêm 100; câu c - thêm 10000.*

- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm.

2

Số?

- a) 4 760; 4 770; 4 780; ?; ?; ?; 4 820.
- b) 6 600; 6 700; 6 800; ?; ?; ?; 7 200.
- c) 50 000; 60 000; 70 000; ?; ?; ?.

- HS đọc yêu cầu.
- HS thảo luận (nhóm bốn) tìm hiểu bài, tìm cách làm.

- HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm.

Lời giải chi tiết:

a) 4 760 ; 4 770 ; 4 780 ; 4 790 ; **4 800 ; 4 810** ; 4 820.

b) 6 600 ; 6 700 ; 6 800 ; **6 900 ; 7 000 ; 7 100** ; 7 200.

Lưu ý: Khi sửa bài, GV cho HS trình bày theo nhóm (mỗi nhóm / dãy số), khuyến khích HS nói cách làm.

c) 50 000 ; 60 000 ; 70 000; **80 000 ; 90 000 ; 100 000**

Bài 3:

★ **Mục tiêu:** Học sinh nhận biết được quy luật dãy số, tìm được số còn thiếu trong dãy số.

★ **Cách thực hiện:**

- GV gọi HS đọc yêu cầu.
- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân.

- GV nhận xét.

- **Lưu ý:** Khi sửa bài, GV có thể cho HS chơi tiếp sức, gắn bảng số với thẻ số phù hợp, khuyến khích HS nói tại sao lại gắn như vậy.

Chẳng hạn:

• *Bảng A có 3 chục nghìn, 6 nghìn, 2 trăm và 4 chục nên em chọn thẻ N số 36,240,*

• *Thẻ M có số 36 024 gồm 3 chục nghìn, 6 nghìn, 2 chục và 4 đơn vị nên em chọn bảng D.*

Hoặc: hai bảng A và D đều có 30000 nên ta xét hai số 36024 và 36 240.

Số 36024 có 2 chục và 4 đơn vị nên ta chọn bảng D.

3 Chọn số thích hợp với mỗi tổng.

A	$30\,000 + 6\,000 + 200 + 40$	M	36 024
B	$60\,000 + 3\,000 + 20 + 4$	N	36 240
C	$60\,000 + 3\,000 + 200 + 40$	P	63 240
D	$30\,000 + 6\,000 + 20 + 4$	Q	63 024

- HS đọc yêu cầu.
- HS làm bài cá nhân.

Lời giải chi tiết:

3 Chọn số thích hợp với mỗi tổng.

A	$30\,000 + 6\,000 + 200 + 40$	M	36 024
B	$60\,000 + 3\,000 + 20 + 4$	N	36 240
C	$60\,000 + 3\,000 + 200 + 40$	P	63 240
D	$30\,000 + 6\,000 + 20 + 4$	Q	63 024

- Vài HS lên bảng sửa bài, em khác nhận xét.

Hoạt động nối tiếp - GV đánh giá, nhận xét tiết học. - Dặn dò tiết sau.	- Cả lớp lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

MÔN: TOÁN - LỚP 4

BÀI 1: ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100 000 (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS biết so sánh số, sắp xếp các số theo thứ tự và thứ tự các số trên tia số; biết làm tròn các số đến hàng nghìn.
- Vận dụng để giải quyết một số vấn đề đơn giản liên quan tiền Việt Nam.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học.
- Năng lực giao tiếp toán học.
- Năng lực mô hình hoá toán học.
- Năng lực giải quyết vấn đề toán học.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Đồ dùng:

- GV: Thẻ số — bảng số dùng cho bài tập 3; một số tờ tiền (hoặc hình vẽ) dùng cho bài tập 6 (nếu cần).
- HS: Một số tờ tiền dùng cho bài tập 6 (nếu cần).

2. Phương pháp, kĩ thuật:

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.
- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

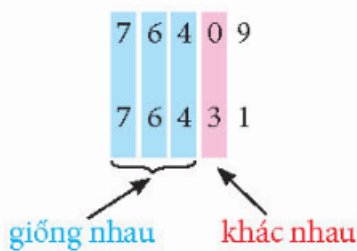
Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A.KHỞI ĐỘNG:	
★ Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.	
- GV tổ chức cho HS hát để tạo không khí sôi động cho tiết học.	- Cả lớp hát.
B. THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP	

Bài 4:

★ **Mục tiêu:** Học sinh biết so sánh số, sắp xếp các số theo thứ tự và thứ tự các số trên tia số.

★ Cách thực hiện:

- GV tổ chức cho HS thực hiện nhóm đôi, đọc các yêu cầu, nhận biết nhiệm vụ, thảo luận tìm hiểu ví dụ.



Với những HS còn hạn chế, GV có thể hướng dẫn các em viết các số theo cột dọc để so sánh thuận lợi.

Lưu ý: Khi sửa bài, GV hệ thống các cách so sánh số:

- Số có ít chữ số hơn thì bé hơn.
- Hai số có số chữ số bằng nhau: So sánh các cặp chữ số cùng hàng theo thứ tự từ trái sang phải.

Cặp chữ số đầu tiên khác nhau → Kết luận.

- Trên tia số: Số bên trái bé hơn số bên phải.

Bài 5:

★ **Mục tiêu:** Học sinh biết làm tròn các số đến hàng nghìn.

★ Cách thực hiện:

- GV cho HS đọc yêu cầu: “Làm tròn số rồi

1 a) $>, <, =$
76 409 ? 76 431
76 409
76 431
giống nhau khác nhau

b) Sắp xếp các số 10748; 11750; 9747; 11251 theo thứ tự từ bé đến lớn.
c) Tìm vị trí của bốn số ở câu b trên tia số sau:

- HS thực hiện nhóm đôi theo yêu cầu của GV.

- Các nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét.

Lời giải chi tiết:

a) $76\ 409 < 76\ 431$

b) Ta có $9\ 747 < 10\ 748 < 11\ 251 < 11\ 750$

Các số sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là $9\ 747$; $10\ 748$; $11\ 251$; $11\ 750$



5 Làm tròn số rồi nói theo mẫu.
Mẫu: Làm tròn số 81425 đến hàng chục thì được số 81430.

a) Làm tròn các số sau đến hàng chục: 356; 28473.
b) Làm tròn các số sau đến hàng trăm: 2021; 76892.
c) Làm tròn các số sau đến hàng nghìn: 7428; 16534.

- HS đọc yêu cầu.

nói theo mẫu”.

- GV tổ chức HS thảo luận nhóm đôi tìm hiểu ví dụ, dựa vào cách làm tròn số đã biết, nhận xét:

- Số được làm tròn đến hàng nào?
- Cần quan sát chữ số hàng nào?
- Hàng đơn vị: Các chữ số nào thì giữ nguyên chữ số hàng chục?
- Các chữ số nào thì thêm 1 vào chữ số hàng chục?
- Sau khi làm tròn số, ta được số nào?

- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ với bạn.

Lưu ý: Khi sửa bài, GV khuyến khích nhiều HS nói theo mẫu và giải thích.

Ví dụ: Làm tròn số 81425 đến hàng nghìn thì được số 81000.

Làm tròn số đến hàng nghìn, cần quan sát chữ số hàng trăm, chữ số hàng trăm là chữ số 4, giữ nguyên chữ số hàng nghìn. Sau

- HS tìm hiểu ví dụ theo nhóm đôi dưới sự hướng dẫn của GV.

- Hàng chục
- Hàng đơn vị
- 1; 2; 3; 4

- 5; 6; 7; 8; 9

- Số tròn chục

- HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ với bạn.

Lời giải chi tiết:

a) Làm tròn số 356 đến hàng chục thì được số 360.

Làm tròn số 28 473 đến hàng chục thì được số 28 470

b) Làm tròn số 2 021 đến hàng trăm thì được số 2 000.

Làm tròn số 76 892 đến hàng trăm thì được số 76 900

c) Làm tròn số 7 428 đến hàng nghìn thì được số 7 000.

Làm tròn số 16 534 đến hàng nghìn thì được số 17 000.

khi làm tròn số ta được số tròn nghìn.

Bài 6:

★ **Mục tiêu:** Học sinh biết vận dụng để giải quyết một số vấn đề đơn giản liên quan đến tiền Việt Nam.

★ **Cách thực hiện:**

- GV cho HS đọc yêu cầu.
- GV hướng dẫn HS tìm hiểu mẫu.

- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân.

Lưu ý: Khi sửa bài, GV có thể trình chiếu (hoặc treo hình vẽ) cho HS trình bày cách làm. GV cũng có thể cho HS đếm trực tiếp các tờ tiền thật.

6

a) Hãy cho biết trong hình dưới đây có bao nhiêu tiền.



b) Với số tiền trên, có thể mua được hộp bút chì màu nào dưới đây?



56 000 đồng/hộp 48 000 đồng/hộp 46 000 đồng/hộp

- HS đọc yêu cầu.

- HS dựa vào sự hướng dẫn của GV để nhận biết thứ tự việc cần làm:

a) Đếm thêm theo mệnh giá tờ tiền — Xác định tổng số tiền.

b) Thực hành chọn hộp bút chì màu phù hợp với số tiền.

- HS làm bài cá nhân, rồi chia sẻ với bạn bên cạnh.

Lời giải chi tiết:

a) Trong hình trên có tổng số tiền là:

$$20\ 000 + 10\ 000 + (5\ 000 \times 2) + (2\ 000 \times 3) + 1\ 000 = 47\ 000 \text{ (đồng)}$$

b) Ta có $47\ 000 > 46\ 000$

Vậy với số tiền 47 000 đồng ta có thể mua được hộp bút có giá 46 000 đồng/hộp.

C. VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM

★ **Mục tiêu:** Học sinh vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề liên quan.

Thử thách

- GV giúp HS xác định yêu cầu.
- GV tổ chức HS thảo luận (nhóm bốn) tìm hiểu bài, tìm cách làm:
Các số trong mỗi dãy số theo thứ tự từ bé đến lớn
→ *Đếm thêm: câu a – thêm 10; câu b – thêm 100.*


Lưu ý: Khi sửa bài, GV khuyến khích HS nói cách làm.

Hoạt động nối tiếp

- GV đánh giá, nhận xét tiết học.
- Dặn dò tiết sau.



Mỗi con vật che số nào?

a) 34 512; 34 522; 34 532;  ; 34 552.

b) 67 825; 67 925;  ; 68 125;  .

- HS xác định yêu cầu.
- HS làm việc nhóm bốn để hoàn thành nhiệm vụ.

Lời giải chi tiết:

a) Ta có dãy số đã cho gồm các số tăng dần 10 đơn vị.

Vậy con ốc sên màu hồng che số **34 542**.

b) Ta có dãy số đã cho gồm các số tăng dần 100 đơn vị.

Vậy con ốc sên màu vàng che số **68 025**;
con ốc sên màu xanh che số **68 225**.

- Các nhóm chia sẻ kết quả làm việc.

- Cả lớp lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY
MÔN: TOÁN - LỚP 4

BÀI 1: ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100 000 (Tiết 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS vận dụng kiến thức đã học, lập được các số trong phạm vi 100000; đọc, viết số, cấu tạo số, viết số thành tổng theo các hàng, biết so sánh số, sắp xếp các số theo thứ tự và thứ tự các số trên tia số; biết làm tròn các số đến hàng nghìn.
- Vận dụng để giải quyết một số vấn đề đơn giản liên quan đến độ dài.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học.
- Năng lực giao tiếp toán học.
- Năng lực mô hình hoá toán học.
- Năng lực giải quyết vấn đề toán học.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Đồ dùng:

- GV: Thẻ số — bảng số dùng cho bài tập 3; một số tờ tiền (hoặc hình vẽ) dùng cho bài tập 6 (nếu cần).
- HS: Một số tờ tiền dùng cho bài tập 6 (nếu cần).

2. Phương pháp, kĩ thuật:

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.
- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A.KHỞ ĐỘNG:	
★ Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.	
- GV tổ chức cho HS hát để tạo không khí sôi động cho tiết học.	- Cả lớp hát.
B. VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM	

Bài 7:

★ Mục tiêu:

- HS vận dụng kiến thức đã học về các số trong phạm vi 100000; nêu được nhận định đúng/sai.

★ Cách thực hiện:

- GV yêu cầu HS xác định yêu cầu, thực hiện cá nhân.

Lưu ý: Khi sửa bài, GV có thể cho HS đọc từng câu trong SGK (hoặc trình chiếu từng câu lên cho HS đọc) rồi dùng thẻ Đ/S để nhận xét, khuyến khích HS giải thích các câu sai và sửa lại.

7 Câu nào đúng, câu nào sai?

- a) Số hai mươi bốn nghìn năm trăm linh ba viết là 24503.
- b) Số 81160 đọc là tám một một sáu không.
- c) Số gồm 5 chục nghìn và 2 trăm viết là 5200.
- d) $77108 = 70000 + 7000 + 100 + 8$.

- HS xác định yêu cầu, thực hiện cá nhân.

Lời giải chi tiết:

a) Đ.

b) S “tám mươi một nghìn một trăm sáu mươi”.

c) S “Số gồm 5 chục nghìn và 2 trăm viết là 50200

d) Đ.

Bài 8:

★ Mục tiêu:

- HS vận dụng kiến thức đã học về các số trong phạm vi 100000 để chọn được đáp án đúng nhất.

★ Cách thực hiện:

- GV tổ chức cho HS thực hiện bài tập thông qua trò chơi Rung chuông vàng.

8 Chọn ý trả lời đúng.

- a) Số liền sau của số 99 999 là:
A. 100 000 B. 99998 C. 10 000 D. 9998
- b) Số 40050 là:
A. số tròn chục nghìn B. số tròn nghìn
C. số tròn trăm D. số tròn chục
- c) Làm tròn số 84572 đến hàng nghìn thì được số:
A. 80000 B. 85000 C. 84000 D. 84600
- d) Số bé nhất có bốn chữ số là:
A. 1000 B. 1111 C. 1234 D. 10000

- HS chơi Rung chuông vàng.

Lời giải chi tiết:

a) A (99 999 đếm thêm 1 thì được 100 000).

b) D (vì số có chữ số ở hàng đơn vị là 0, hàng chục khác 0).

c) B (làm tròn đến hàng nghìn thì quan sát chữ số hàng trăm, là số 5 nên phải thêm 1 vào 4; kết quả phải tận cùng ba chữ số 0).

Lưu ý: Khi sửa bài, GV có thể giải thích nội dung trong mỗi câu.

Bài 9:

★ Mục tiêu:

- HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề đơn giản liên quan đến độ dài.

★ Cách thực hiện:

- GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm bốn để tìm hiểu bài, một vài nhóm trình bày trước lớp xem cần thực hiện những việc gì. GV giúp đỡ các em nhận biết yêu cầu của bài.

- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân, rồi chia với các bạn trong nhóm.

Lưu ý: Khi sửa bài, GV hệ thống lại cách so sánh các số đo độ dài.

a) Xác định quãng đường dài nhất (số đo lớn nhất): 2107 km.

Xác định quãng đường ngắn nhất (số đo bé nhất): 439 km.

b) Xác định vị trí để viết số theo thứ tự từ lớn đến bé.

Số đầu tiên bên trái (số lớn nhất): 2 107 km.

Số đầu tiên bên phải (số bé nhất): 439 km.

2 107 km;; 439 km

Hai số còn lại viết vào giữa, số lớn hơn viết bên trái.

2 107 km; 1 186 km; 682 km; 439 km.

c) Làm tròn số đến hàng trăm: khuyến

d) A.

9 Dưới đây là độ dài quãng đường bộ từ Hà Nội đến một số địa điểm ở nước ta.

Quãng đường	Độ dài khoảng
Hà Nội – Cột cờ Lũng Cú	439 km
Hà Nội – Đất Mũi	2107 km
Hà Nội – Mũi Đồi	1186 km
Hà Nội – A Pa Chải	681 km

- Trong bốn quãng đường trên, quãng đường nào dài nhất, quãng đường nào ngắn nhất?
- Sắp xếp các số đo độ dài trên theo thứ tự từ lớn đến bé.
 - Quãng đường từ Hà Nội đến cột cờ Lũng Cú dài khoảng ? km.
 - Quãng đường từ Hà Nội đến Đất Mũi dài khoảng ? km.
 - Quãng đường từ Hà Nội đến Mũi Đồi dài khoảng ? km.
 - Quãng đường từ Hà Nội đến A Pa Chải dài khoảng ? km.

- HS làm việc theo nhóm bốn để tìm hiểu bài, một vài nhóm trình bày trước lớp, nhóm khác nhận xét.

- HS làm bài. Vài HS lên bảng sửa bài, em khác nhận xét.

Lời giải chi tiết:

a) Ta có: $439 < 681 < 1\ 186 < 2\ 107$.

Vậy quãng đường từ Hà Nội – Cột cờ Lũng Cú ngắn nhất, quãng đường từ Hà Nội – Đất Mũi dài nhất.

b) Các số đo độ dài trên theo thứ tự từ lớn đến bé: 2 107 km; 1 186 km; 681 km; 439 km.

c) Làm tròn các số đo trên đến hàng trăm.

Quãng đường từ Hà Nội đến cột cờ Lũng Cú dài khoảng 400 km.

Quãng đường từ Hà Nội đến Đất Mũi dài khoảng 2 100 km.

Quãng đường từ Hà Nội đến Mũi Đồi dài khoảng 1 200 km.

Quãng đường từ Hà Nội đến A Pa Chải dài khoảng 700 km.

<p><i>khích HS trình bày cách làm.</i></p> <p><i>Ví dụ: Quãng đường từ Hà Nội đến cột cờ Lũng Cú dài khoảng 400 km.</i></p> <p><i>Vì 439 làm tròn đến hàng trăm → Cần quan sát chữ số hàng chục: Chữ số 3 → Giữ nguyên chữ số hàng trăm là 4 → Ta được số 400.</i></p>	
<p>Hoạt động nối tiếp</p> <p>- GV đánh giá, nhận xét tiết học. - Dặn dò tiết sau.</p>	<p>- Cả lớp lắng nghe.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

MÔN: TOÁN - LỚP 4

BÀI 2: ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS thực hiện được phép cộng, phép trừ (tính nhẩm và tính viết) trong phạm vi 100000 (không nhớ và có nhớ không quá ba lượt và không liên tiếp); tìm thành phần chưa biết trong phép cộng, phép trừ.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học.
- Năng lực giao tiếp toán học.
- Năng lực mô hình hoá toán học.
- Năng lực giải quyết vấn đề toán học.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất trung thực: Trung thực trong học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Đồ dùng:

GV: Hình ảnh cho bài tập 7, Vui học và Thử thách (nếu cần).

2. Phương pháp, kĩ thuật:

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.
- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A.KHỞI ĐỘNG:	
★ Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.	
<ul style="list-style-type: none">- GV tổ chức cho HS thực hiện Trò chơi: “Ai nhanh hơn”.- GV hướng dẫn và tổ chức trò chơi: Tính nhẩm GV: Đọc phép tính. HS: Viết kết quả (bảng con). Ví dụ: - GV đọc phép tính : “$720 + 80$”	<ul style="list-style-type: none">- HS chơi trò chơi theo sự tổ chức của GV.

<p>HS viết bảng con: “800”</p> <p>Tổ có tất cả các bạn xong trước và đúng thì thắng lượt chơi.</p> <p>Tổ có nhiều lượt thắng nhất thì thắng cuộc.</p> <p>- GV nhận xét, chuyển ý, giới thiệu bài mới.</p>	<p>- Cả lớp lắng nghe.</p>
---	----------------------------

B. THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP

<p>Bài 1:</p> <p>★ Mục tiêu: HS thực hiện được phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100000 (không nhớ và có nhớ không quá ba lượt và không liên tiếp).</p> <p>★ Cách thực hiện:</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu.</p> <p>- GV đọc từng phép tính cho HS làm bảng con.</p> <p>Lưu ý: Khi sửa bài, GV khuyến khích HS nói cách làm.</p>	<div style="border: 1px solid gray; padding: 10px; margin-bottom: 10px;"> <p>1 Đặt tính rồi tính.</p> <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="width: 50%;">a) 23 607 + 14 685</td> <td style="width: 50%;">b) 845 + 76 928</td> </tr> <tr> <td>c) 59 194 – 36 052</td> <td>d) 48 163 – 2 749</td> </tr> </table> </div> <p>- HS đọc yêu cầu.</p> <p>- HS làm bài vào bảng con dưới sự tổ chức của GV.</p> <div style="background-color: #e0e0e0; padding: 10px; margin-top: 10px;"> <p>Lời giải chi tiết:</p> <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="width: 50%; vertical-align: top;"> a) $\begin{array}{r} 23\ 607 \\ + 14\ 685 \\ \hline 38\ 292 \end{array}$ </td> <td style="width: 50%; vertical-align: top;"> b) $\begin{array}{r} 845 \\ + 76\ 928 \\ \hline 77\ 773 \end{array}$ </td> </tr> <tr> <td style="width: 50%; vertical-align: top;"> c) $\begin{array}{r} 59\ 194 \\ - 36\ 052 \\ \hline 22\ 142 \end{array}$ </td> <td style="width: 50%; vertical-align: top;"> d) $\begin{array}{r} 48\ 163 \\ - 2\ 749 \\ \hline 45\ 414 \end{array}$ </td> </tr> </table> </div>	a) 23 607 + 14 685	b) 845 + 76 928	c) 59 194 – 36 052	d) 48 163 – 2 749	a) $\begin{array}{r} 23\ 607 \\ + 14\ 685 \\ \hline 38\ 292 \end{array}$	b) $\begin{array}{r} 845 \\ + 76\ 928 \\ \hline 77\ 773 \end{array}$	c) $\begin{array}{r} 59\ 194 \\ - 36\ 052 \\ \hline 22\ 142 \end{array}$	d) $\begin{array}{r} 48\ 163 \\ - 2\ 749 \\ \hline 45\ 414 \end{array}$
a) 23 607 + 14 685	b) 845 + 76 928								
c) 59 194 – 36 052	d) 48 163 – 2 749								
a) $\begin{array}{r} 23\ 607 \\ + 14\ 685 \\ \hline 38\ 292 \end{array}$	b) $\begin{array}{r} 845 \\ + 76\ 928 \\ \hline 77\ 773 \end{array}$								
c) $\begin{array}{r} 59\ 194 \\ - 36\ 052 \\ \hline 22\ 142 \end{array}$	d) $\begin{array}{r} 48\ 163 \\ - 2\ 749 \\ \hline 45\ 414 \end{array}$								

<p>Bài 2:</p> <p>★ Mục tiêu: HS thực hiện được tính nhẩm (cộng, trừ) trong phạm vi 100000.</p> <p>★ Cách thực hiện:</p> <p>- GV gọi HS đọc yêu cầu.</p> <p>- GV tổ chức HS thảo luận (nhóm bốn) tìm hiểu bài, rồi thực hiện.</p> <p>Lưu ý: Khi sửa bài, GV khuyến khích</p>	<div style="border: 1px solid gray; padding: 10px; margin-bottom: 10px;"> <p>2 Tính nhẩm.</p> <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="width: 33%;">a) 72 + 20</td> <td style="width: 33%;">b) 411 + 300</td> <td style="width: 33%;">c) 32 + 7 + 8</td> </tr> <tr> <td>68 – 40</td> <td>625 + 200</td> <td>54 + 7 + 3</td> </tr> <tr> <td>350 + 30</td> <td>954 – 400</td> <td>1 + 16 + 9</td> </tr> <tr> <td>970 – 70</td> <td>367 – 300</td> <td>96 + 40 + 4</td> </tr> </table> </div> <p>- HS đọc yêu cầu.</p> <p>- HS thảo luận (nhóm bốn) tìm hiểu bài, rồi thực hiện.</p> <p>- HS trình bày trước lớp, em khác nhận xét.</p>	a) 72 + 20	b) 411 + 300	c) 32 + 7 + 8	68 – 40	625 + 200	54 + 7 + 3	350 + 30	954 – 400	1 + 16 + 9	970 – 70	367 – 300	96 + 40 + 4
a) 72 + 20	b) 411 + 300	c) 32 + 7 + 8											
68 – 40	625 + 200	54 + 7 + 3											
350 + 30	954 – 400	1 + 16 + 9											
970 – 70	367 – 300	96 + 40 + 4											

HS nói cách làm.

Ví dụ: $72 + 20$

$7 \text{ chục} + 2 \text{ chục} = 9 \text{ chục}$

$72 + 20 = 92$

Lời giải chi tiết:

a) $72 + 20 = 92$	b) $411 + 300 = 711$
$68 - 40 = 28$	$625 + 200 = 825$
$350 + 30 = 380$	$954 - 400 = 554$
$970 - 70 = 900$	$367 - 300 = 67$
c) $32 + 7 + 8 = 47$	
$54 + 7 + 3 = 64$	
$1 + 16 + 9 = 26$	
$96 + 40 + 4 = 140$	

Bài 3:

★ **Mục tiêu:** HS thực hiện được phép cộng, phép trừ và so sánh số trong phạm vi 100000.

★ **Cách thực hiện:**

- GV gọi HS đọc yêu cầu.
- GV tổ chức cho HS làm bài cá nhân.

3 $>, <, =$

a) $4735 + 15 \text{ ? } 4735 + 10$	b) $524 - 10 \text{ ? } 525 - 10$
c) $4735 - 15 \text{ ? } 4735 - 10$	d) $7700 + 2000 \text{ ? } 6700 + 3000$

- HS đọc yêu cầu.

- HS làm bài cá nhân.

Lời giải chi tiết:

a) $4735 + 15 > 4735 + 10$
b) $524 - 10 < 525 - 10$
c) $4735 - 15 < 4735 - 10$
d) $7700 + 2000 = 6700 + 3000$

- HS sửa bài theo hình thức: *Tiếp sức cá nhân*

Lưu ý: Khi sửa bài, GV khuyến khích HS nói tại sao lại điền dấu như vậy.

Ví dụ: $4735 + 15 > 4735 + 10$

Có nhiều cách giải thích.

$4735 + 15 = 4750$ và $4735 + 10 = 4745$

$\rightarrow 4750 > 4745$ - Chọn dấu $>$.

Hoặc: $4735 + 15$ và $4735 + 10$ đều có số hạng thứ nhất là 4735 .

Số hạng thứ hai lần lượt là 15 và $10 \rightarrow 15$

$> 10 \rightarrow$ Chọn dấu $>$.

Bài 4:

★ **Mục tiêu:** HS tìm được thành phần

4 Số?

a) $371 + \text{?} = 528$	b) $\text{?} + 714 = 6250$
c) $\text{?} - 281 = 64$	d) $925 - \text{?} = 135$

<p>chưa biết trong phép cộng, phép trừ.</p> <p>★ Cách thực hiện:</p> <p>- GV yêu cầu HS (nhóm đôi) đọc các yêu cầu, nhận biết nhiệm vụ, thảo luận tìm cách làm.</p> <p>Với những HS còn hạn chế, GV có thể giúp các em xác định tên gọi của thành phần chưa biết cần tìm → Dùng sơ đồ tách gộp số (hoặc cho các em nhắc lại quy tắc, ...).</p> <p>- GV tổ chức HS thực hiện cá nhân rồi chia sẻ.</p> <p>Lưu ý: Khi sửa bài, GV khuyến khích HS nói cách làm.</p> <p>- GV hệ thống các cách tìm thành phần chưa biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Số hạng = Tổng – Số hạng kia. • Số bị trừ = Hiệu + Số trừ. • Số trừ = Số bị trừ – Hiệu. 	<p>- HS làm việc nhóm đôi theo yêu cầu của GV.</p> <p>- HS làm bài cá nhân, vài em trình bày, em khác nhận xét.</p> <p>Lời giải chi tiết:</p> <p>a) $371 + 157 = 528$</p> <p>b) $5\ 536 + 714 = 6\ 250$</p> <p>c) $345 - 281 = 64$</p> <p>d) $925 - 790 = 135$</p>
<p>Hoạt động nối tiếp</p> <p>- GV đánh giá, nhận xét tiết học.</p> <p>- Dặn dò tiết sau.</p>	<p>- Cả lớp lắng nghe.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY
MÔN: TOÁN - LỚP 4

BÀI 2: ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS vận dụng được tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép cộng, quan hệ giữa phép cộng và phép trừ trong thực hành tính toán vào giải quyết vấn đề đơn giản.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học.
- Năng lực giao tiếp toán học.
- Năng lực mô hình hoá toán học.
- Năng lực giải quyết vấn đề toán học.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất trung thực: Trung thực trong học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

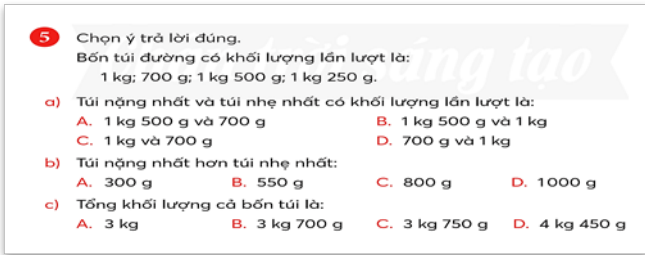
1. Đồ dùng:


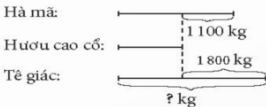
GV: Hình ảnh cho bài tập 7, Vui học và Thử thách (nếu cần).

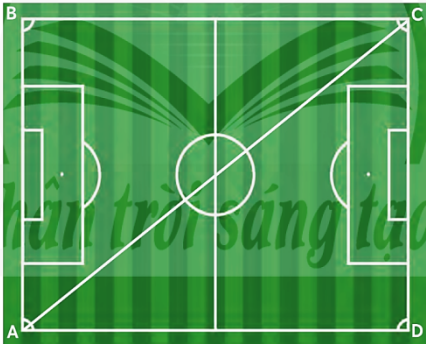
2. Phương pháp, kĩ thuật:

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.
- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG:	
★ Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.	
- GV tổ chức cho HS hát để tạo không khí sôi động cho tiết học.	- Cả lớp hát.
B. VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM:	
Bài 5: ★ Mục tiêu: HS vận dụng được quan hệ giữa phép cộng và phép trừ trong thực hành tính toán vào giải quyết vấn đề đơn giản.	

<p>★ Cách thực hiện:</p> <p>- GV tổ chức cho HS thực hiện bài tập thông qua trò chơi <i>Rung chuông vàng</i>.</p> <p>Lưu ý: Khi sửa bài, GV có thể giải thích một số nội dung cần thiết.</p>	<p>- HS chơi <i>Rung chuông vàng</i> theo sự tổ chức của GV.</p> <p>Lời giải chi tiết:</p> <p>a) A b) C c) D</p>
<p>Bài 6:</p> <p>★ Mục tiêu: HS vận dụng được tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép cộng, quan hệ giữa phép cộng và phép trừ trong thực hành tính toán vào giải quyết vấn đề đơn giản..</p> <p>★ Cách thực hiện:</p> <p>- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm đôi, xác định cái đã cho và câu hỏi của bài toán.</p> <p>- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ với bạn trong nhóm.</p>	<p>6 Con hà mã cân nặng 2500 kg. Con hươu cao cổ nhẹ hơn con hà mã 1100 kg. Con tê giác nặng hơn con hươu cao cổ 1800 kg. Hỏi con tê giác cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?</p>  <p>- HS làm việc nhóm đôi để thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> • <i>Hươu cao cổ nhẹ hơn hà mã 1 100 kg; tê giác nặng hơn hươu cao cổ 1 800 kg.</i> • <i>Có thể tóm tắt bằng sơ đồ đoạn thẳng.</i>  <p>- HS làm bài cá nhân, chia sẻ trong nhóm. Vài nhóm nêu bài làm trước lớp, nhóm khác nhận xét.</p> <p>Lời giải chi tiết:</p> <p><i>Con hươu cao cổ cân nặng:</i></p> $2\ 500 - 1\ 100 = 1\ 400\ (kg)$ <p><i>Con tê giác cân nặng:</i></p> $1\ 400 + 1\ 800 = 3\ 200\ (kg)$ <p><i>Đáp số: 3 200 kg</i></p>

<p>Lưu ý: Khi sửa bài, GV khuyến khích nhiều HS trình bày, giải thích cách làm.</p>	
<p>Bài 7:</p> <p>★ Mục tiêu: HS vận dụng được tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép cộng, quan hệ giữa phép cộng và phép trừ trong thực hành tính toán vào giải quyết vấn đề đơn giản.</p> <p>★ Cách thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giúp HS xác định bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì. - GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân. <p>Lưu ý: Khi sửa bài, GV khuyến khích HS nói các bước thực hiện.</p>	<p>7 Một sân bóng đá hình chữ nhật có chiều rộng 75 m, chiều dài 100 m. An và Tú cùng xuất phát từ A để đến C. Đường đi của An dài bằng nửa chu vi sân bóng đá. Tú đi thẳng từ A đến C nên đường đi ngắn hơn đường đi của An là 50 m. Hỏi đường đi của Tú dài bao nhiêu mét?</p>  <ul style="list-style-type: none"> - HS xác định bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì. - HS làm bài cá nhân. Vài em lên bảng sửa bài, em khác nhận xét. <p>Lời giải chi tiết:</p> <p>Ta có đường đi của An dài bằng nửa chu vi sân bóng đá.</p> <p>Đường đi của An dài:</p> $75 + 100 = 175 \text{ (m)}$ <p>Đường đi của Tú dài:</p> $175 - 50 = 125 \text{ (m)}$ <p>Đáp số: 125m</p>
<p>Hoạt động nối tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đánh giá, nhận xét tiết học. - Dặn dò tiết sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY TUẦN 1

TIẾNG VIỆT

CHỦ ĐIỂM: TUỔI NHỎ LÀM VIỆC NHỎ

Bài 1: NHỮNG NGÀY HÈ TƯƠI ĐẸP (T1+2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

Chia sẻ được về một món quà em được tặng hoặc đã tặng cho bạn bè, người

thân; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Kỉ niệm đẹp của bạn nhỏ với với người thân, bạn bè,... ở quê trong ngày chia tay để trở lại thành phố. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Những lời nói, việc làm cho thấy các bạn đã lớn, đã biết thể hiện tình cảm, sự quan tâm, chia sẻ với bạn bè, người thân.*

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia đọc trong nhóm.

3. Phẩm chất.

Đoàn kết, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.

- Tranh hoặc ảnh chụp một số món quà để thực hiện hoạt động khởi động.

- Vật thật hoặc tranh ảnh: cuốn từ điển TV, cây cỏ chơi gà, hòn bi ve,...

- Bảng phụ ghi đoạn từ “Vừa lúc hội bạn ở làng” đến “ở đình làng”.

2. Học sinh

- SHS, VBT, bút, vở....
- Một món quà em muốn chia sẻ ở phần khởi động.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1 - 2	
<p>1. Khởi động.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Chia sẻ được về một món quà em được tặng hoặc đã tặng cho bạn bè, người thân; + Nêu được phỏng đoán về nội dung bài qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ. <p>- Cách tiến hành:</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho học sinh múa hát bài hát “Mùa hè vui”. - GV giới thiệu tên chủ điểm và yêu cầu HS nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ của em về tên chủ điểm “Tuổi nhỏ làm việc nhỏ”. - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi nói chia sẻ với bạn về một món quà em được tặng hoặc đã tặng cho bạn bè, người thân - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV cho HS xem tranh và dẫn dắt vào bài mới: <i>“Những ngày hè tươi đẹp”</i>. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia múa hát. - HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời. -HS thảo luận nhóm đôi - HS lắng nghe.
<p>2. Hoạt động Khám phá và luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. - Hiểu được nội dung bài đọc: <i>Kỉ niệm đẹp của bạn nhỏ với với người thân, bạn bè,... ở quê trong ngày chia tay để trở lại thành phố. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Những lời nói, việc làm cho thấy các bạn đã lớn, đã biết thể hiện tình cảm, sự quan tâm, chia sẻ với bạn bè, người thân.</i> - Phát triển năng lực ngôn ngữ. 	

- Cách tiến hành:

2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc thành tiếng

- GV đọc mẫu: Đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện thông thả, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái và cảm xúc của các nhân vật, từ ngữ gọi tên các món quà; giọng Điệp thể hiện tình cảm lưu luyến, không muốn rời xa).

- GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài. Đọc diễn cảm các lời thoại với ngữ điệu phù hợp.

- Gọi 1 HS đọc toàn bài.

- GV chia đoạn: (4 đoạn)

+Đoạn 1: Từ đầu đến “trôi nhanh quá”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “ra đầu ngõ”.

+ Đoạn 3: Tiếp theo đến “ở đình làng”.

+Đoạn 4: Còn lại.

- GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn.

- Luyện đọc từ khó: *lớn tưởng, bịn rịn,....;....*

- Luyện đọc câu dài: Sau cùng là Tuyết,/ nó cho tớ chồng bánh đa chưa nướng,/ dọn lên phố nướng ăn/ để nhớ/ mà về chơi với nhau.//;

Tớ chào các bạn/ và hứa sẽ nhớ việc tập hợp sách/ để gửi về/làm tủ sách ở đình làng.//; ...

- Luyện đọc đoạn: GV tổ chức cho HS luyện đọc đoạn theo nhóm 4.

- GV nhận xét các nhóm.

2.2. Hoạt động 2: Luyện đọc hiểu

- Giải nghĩa từ khó hiểu:

cỏ chọi gà (Cỏ gà, còn gọi là cỏ chỉ, cỏ ống, là loại cỏ có thân rễ bò dài ở gốc, thẳng đứng ở ngọn, cứng. Đặc biệt, thân cỏ thường có nốt sần do những bẹ lá tạo thành. Trẻ em thường chơi chọi cỏ gà bằng cách “chọi” nốt sần vào nhau, nốt sần nào bị đứt rời ra

- Hs lắng nghe.

- HS lắng nghe cách đọc.

- 1 HS đọc toàn bài.

- HS quan sát

- HS đọc nối tiếp theo đoạn.

- HS đọc từ khó.

- 2-3 HS đọc câu dài.

- HS luyện đọc theo nhóm 4.

- HS lắng nghe.

thì coi như “gà” thua.), *đường thơm* (ý nói đường thơm hương lúa chín, hương hoa cỏ ở làng quê), *tưởng tượng* (tạo ra trong trí hình ảnh những cái không có hoặc chưa có ở trước mắt),

- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. GV nhận xét, tuyên dương.

- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.

+ Câu 1: Kết thúc kì nghỉ hè ở quê, bạn nhỏ tiếc điều gì?

- GV yêu cầu HS rút ra ý của đoạn 1

+ Câu 2: Những chi tiết nào cho thấy ông bà và cô Lâm rất yêu quý con cháu?

- GV yêu cầu HS rút ra ý của đoạn 2

+ Câu 3: Mỗi người bạn tặng cho bạn nhỏ món quà gì? Những món quà ấy thể hiện điều gì?

- HS trả lời lần lượt các câu hỏi:

Câu 1: Kết thúc kì nghỉ hè ở quê, bạn nhỏ tiếc những ngày hè ở quê trôi nhanh quá!

Ý đoạn 1: *Cảm xúc của bạn nhỏ khi mùa hè khép lại.*

Câu 2:

+ Ông bà ôm bạn nhỏ, dặn dò hè năm sau nhớ về.

+ Ông bà cùng cô Lâm bịn rịn tiễn bố mẹ, anh em bạn nhỏ ra đầu ngõ.

Ý đoạn 2: Tình cảm của ông bà và cô Lâm dành cho con cháu.

Câu 3:

+ Điệp tặng cây cỏ chọi gà lớn chưa từng thấy.

+ Văn tặng hòn bi ve đẹp nhất, quý nhất của mình.

+ Lê tặng hòn đá hình siêu nhân nhạt ở bờ suối, trước giờ vẫn được Lê giữ như báu vật.

+ Tuyết tặng chõng bánh đa chưa nướng, dặn lên

+ Câu 4: Trước khi trở lại thành phố, bạn nhỏ hứa sẽ làm gì? Việc làm đó có ý nghĩa như thế nào?

- GV yêu cầu HS rút ra ý của đoạn 3

+ Câu 5: Theo em, bạn nhỏ tưởng tượng những điều gì về mùa hè năm sau?

- GV yêu cầu HS rút ra ý của đoạn 4

Câu 6: Em mong ước điều gì cho kì nghỉ hè sắp tới của mình? Vì sao?

- GV mời HS nêu nội dung bài.

- GV chốt nội dung bài đọc: ***Kỉ niệm đẹp của bạn nhỏ với với người thân, bạn bè,... ở quê trong ngày chia tay để trở lại thành phố. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Những lời nói, việc làm cho thấy các bạn đã lớn, đã biết thể hiện tình***

phố nướng ăn để nhớ mà về chơi với nhau.

- Những món quà quê bình dị nhưng chứa nhiều tình cảm chân thành của các bạn nhỏ.

Câu 4:

+ Bạn nhỏ hứa sẽ tập hợp sách gửi về làm tủ sách ở đình làng.

+ Việc tặng sách vừa để chia sẻ những quyển sách hay, chia sẻ tri thức; khuyến khích, động viên các bạn cùng học tập, cùng tiến bộ.

Ý đoạn 3: Tình cảm giữa bạn nhỏ với những người bạn ở quê.

Câu 5:

- Bạn bè gặp nhau. Kể cho nhau nghe chuyện của một năm vừa qua.

- Cùng chơi đùa trên những cánh đồng.

- Tủ sách đình làng đã được hoàn thành. Bạn bè cùng nhau đọc sách.

Ý đoạn 4: Cảm xúc của bạn nhỏ trên đường trở lại phố

Câu 6: Ví dụ: về quê thăm ông bà, đi du lịch, học môn năng khiếu.....

- HS trả lời

cảm, sự quan tâm, chia sẻ với bạn bè, người thân.

-HS lắng nghe.

2.3. Hoạt động 3 : Luyện đọc lại.

- GV đọc lại toàn bài.

- GV gọi HS nêu lại ý nghĩa, nội dung bài đọc.

- GV yêu cầu học sinh xác định được giọng đọc của các nhân vật.

- GV yêu cầu HS đọc lại đoạn 3, xác định giọng đọc của đoạn 3: giọng thông thả, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái, từ ngữ gọi tên và chỉ đặc điểm của các món quà.

-HS lắng nghe.

- HS trả lời

- GV gọi HS luyện đọc câu nói của Điệp: giọng đọc thể hiện tình cảm lưu luyến, không muốn rời xa.

-HS trước lớp.

-GV gọi HS đọc đoạn 3:

Vừa lúc hội bạn ở làng/ ùa đến.// Đứa nào cũng cầm trên tay/ một thứ gì đó.//

- Cậu tặng chúng tớ/ cuốn “Từ điển tiếng Việt” rồi,/ đây là quà,/ để cậu nhớ về chúng tớ.// - Điệp nói thế,/ sau khi chìa cho tớ cây cỏ chọi gà/ lớn chưa từng thấy.//

Văn cho tớ/ hòn bi ve đẹp nhất,/ quý nhất của nó.// Lê cho tớ/ hòn đá hình siêu nhân/ nhặt ở bờ suối,/ trước giờ vẫn được nó giữ/ như báu vật.// Sau cùng là Tuyết,/ nó cho tớ chồng bánh đa chưa nướng,/ dặng lên phở nướng ăn/ để nhớ mà về chơi với nhau.//

Tớ chào các bạn/ và hứa sẽ nhớ việc tập hợp sách/ để gửi về/ làm tủ sách ở đình làng.//

- GV nhận xét, tuyên dương.

-HS lắng nghe.

3. Hoạt động nối tiếp

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu

<p>nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>+ Phát triển năng lực ngôn ngữ.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>-GV cho học sinh chơi trò chơi “ Ai nhanh hơn”</p> <p>Câu 1: Nêu lại nội dung bài đọc “Những ngày hè tươi đẹp”</p> <p>Câu 2: Em nhớ nhất điều gì ở kỳ nghỉ hè vừa rồi của em?</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- Hs tham gia chơi trò chơi và trả lời các câu hỏi.</p> <p>-HS lắng nghe.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:

Tất cả các hoạt động trong bài rất hay, linh động, đúng với các bước dạy tiết Đọc.

TIẾNG VIỆT

LUYỆN TỪ VÀ CÂU: DANH TỪ ((T3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận diện và biết cách sử dụng danh từ

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, viết bài đúng, kịp thời và hoàn thành các bài tập trong SGK.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia làm việc trong nhóm để trả lời câu hỏi trong bài.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước:

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ viết bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

2. Học sinh

- SHS, VBT, bút, vở....

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động. - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS nhảy múa bài “Tập thể dục buổi sáng” để khởi động bài học. - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia múa hát. - HS lắng nghe.
2. Danh từ - Mục tiêu: Nhận diện và biết cách sử dụng danh từ - Cách tiến hành:	
2.1. Hình thành khái niệm danh từ - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của BT1 - GV cho HS thảo luận nhóm 3(Làm bảng nhóm) - GV cho HS chia sẻ kết quả. - GV rút ra ghi nhớ: Danh từ là từ chỉ sự vật (người, vật, thời gian, hiện tượng tự nhiên,...). 2.2. Nhận diện danh từ - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của BT2 - GV cho HS làm vào VBT - GV cho HS chia sẻ kết quả. - GV nhận xét, tuyên dương.	

<p>2.3. Đặt câu với danh từ cho trước</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của 3 - GV cho HS đặt câu trong nhóm nhỏ - GV cho HS chia sẻ kết quả. <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu BT3 - HS đặt câu - Đáp án: <ul style="list-style-type: none"> + Vào mỗi buổi sáng, mẹ em đều thức dậy sớm. + Ánh nắng mặt trời xuyên qua các kẽ lá. + Con đường đến trường rất thân thuộc và gần bó. - HS lắng nghe.
<p>3. Hoạt động nối tiếp</p> <p>- Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. + Phát triển năng lực ngôn ngữ. <p>- Cách tiến hành:</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Nhổ cà rốt” để củng cố kiến thức và vận dụng bài học vào thực tiễn cho học sinh. + Câu 1: Danh từ là gì? + Câu 2: Từ nào dưới đây là từ chỉ sự vật? <p>- Nhận xét, tuyên dương.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - HS trả lời - Đáp án A: Từ chỉ sự vật - Đáp án B: bác nông dân + Trả lời các câu hỏi. - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:

Tất cả các hoạt động trong bài rất hay, linh động.

VIẾT

NHẬN DIỆN BÀI VĂN KỂ CHUYỆN (T4)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

- Nhận diện được bài văn kể chuyện, xác định được cấu tạo của một bài văn kể chuyện đã đọc.

- Ghi lại được kỉ niệm mùa hè mà em nhớ nhất.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời các câu hỏi. Làm được các bài tập 1, 2.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia trong nhóm.

3. Phẩm chất.

Trách nhiệm, yêu nước, nhân ái.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

2. Học sinh

-SHS, VBT, bút, vở....

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.	
- Cách tiến hành:	
- GV cho HS hát và múa theo bài “Mùa hè đến”.	- HS múa hát.
- GV Kiểm tra sách vở chuẩn bị của học sinh.	
- Giới thiệu bài mới, Ghi bảng đầu bài.	- Học sinh nghe giới thiệu, ghi bài.
2. Viết	
- Mục tiêu: Nhận diện được bài văn kể chuyện, xác định được cấu tạo của một bài văn kể chuyện đã đọc.	
- Cách tiến hành:	
2.1. Nhận diện bài văn kể chuyện	
- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của BT1	- HS xác định yêu cầu của BT1.
- GV cho HS đọc yêu cầu BT1a, trao đổi trong nhóm.	- Thảo luận nhóm
- GV cho HS chia sẻ kết quả.	Đáp án: + Phần giới thiệu câu chuyện: Từ đầu đến “câu chuyện “Tích Chu””.

- GV cho HS đọc yêu cầu BT1b, trao đổi trong nhóm đôi Xác định các sự việc ở phần diễn biến của câu chuyện và kết quả của các sự việc ấy..
- GV cho HS chia sẻ trước lớp.

- GV cho HS đọc yêu cầu BT1c : Các sự việc ở phần diễn biến của câu chuyện được kể theo trình tự nào?
- GV nhận xét, tuyên dương.

2.2. Rút ra ghi nhớ về cấu tạo của bài văn kể chuyện

- GV cho học sinh thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi: Theo em, bài văn kể chuyện thường gồm mấy phần? Mỗi phần có nhiệm vụ gì?

- + Phần kể lại nội dung của câu chuyện
- Mở đầu câu chuyện: Từ “Chuyện kể về” đến “chỉ mãi rong chơi”.
- Diễn biến câu chuyện: Từ “Lần đó” đến “mang về”.
- Kết thúc câu chuyện: Từ “Được uống nước” đến “chăm sóc bà”.
- + Phần nêu suy nghĩ, cảm xúc về câu chuyện: Từ “Câu chuyện bà kể” đến hết.
- HS thảo luận nhóm đôi
- Đáp án:
 - + Bà bị ốm nhưng không có ai chăm sóc. Kết quả: Bà biến thành chim.
 - + Tích Chu biết chuyện, đi tìm, tha thiết gọi. Kết quả: Chim vẫn vỗ cánh bay đi.
 - + Tích Chu gặp bà tiên. Kết quả: Bà tiên chỉ đường cho Tích Chu đi tìm nước suối tiên.
 - + Tích Chu vất vả đi tìm nước suối tiên. Kết quả: Tích Chu tìm được nước suối tiên mang về.
- Đáp án: Sự việc nào diễn ra trước - kể trước, sự việc nào diễn ra sau - kể sau.)
- Đáp án: Bài văn kể chuyện thường gồm ba phần:
 - Mở bài: Giới thiệu câu chuyện.
 - Thân bài: Kể lại các sự việc của câu chuyện.
 - Kết bài: Nêu kết thúc của câu chuyện. Có thể bày tỏ suy

-GV: Có thể kể lại câu chuyện theo trình tự nào?

-GV chốt lại ghi nhớ: **Bài văn kể chuyện đã đọc, đã nghe thường gồm ba phần:**

1. *Mở bài: Giới thiệu câu chuyện.*

2. *Thân bài: Kể lại các sự việc của câu chuyện theo trình tự thời gian hoặc không gian.*

Lưu ý: Thân bài có thể gồm một hoặc nhiều đoạn văn.

2. *Kết bài: Nêu kết thúc của câu chuyện. Có thể bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của người kể về nội dung câu chuyện.*

2.3. Luyện tập xác định cấu tạo bài văn kể chuyện

- GV cho HS đọc bài văn “ Người ăn xin”.

- GV cho học sinh thảo luận nhóm đôi đọc BT2a, xác định phần mở đầu câu chuyện.

- Hs chia sẻ trước lớp

- GV cho Hs làm vào VBT

- GV cho HS đọc yêu cầu BT2b: Xác định các sự việc xảy ra và kết quả của các sự việc ấy.

- Hs chia sẻ trước lớp

nghĩ, cảm xúc của người kể về nội dung câu chuyện.

-Sự việc nào diễn ra trước thì kể trước, sự việc nào diễn ra sau thì kể sau, được gọi là trình tự thời gian. Ngoài ra, đối với một số câu chuyện, có thể kể theo trình tự không gian, tức là kể lại các sự việc gắn với mỗi địa điểm hoặc tình huống diễn ra. Thông thường, mỗi sự việc có thể kể lại bằng một đoạn văn.

- Hs lắng nghe ghi nhớ và 1 vài học sinh nhắc lại.

- HS đọc bài văn

- Đáp án: Lúc ấy, tôi đang đi trên phố. Một người ăn xin già khom đứng ngay trước mặt tôi".

- HS làm vào VBT

- Đáp án:

+ Sự việc 1: Tác giả đang đi trên phố. Kết quả: Gặp người ăn xin đáng thương

+ Sự việc 2: Ông lão chìa tay và cầu xin cứu giúp. Kết quả: Tác giả lục túi tìm đồ nhưng không có tài sản gì đáng giá.

<p>- GV cho Hs làm vào VBT</p>	<p>+ Sự việc 3: Ông lão vẫn đợi và chìa tay ra. Kết quả: Tác giả nắm chặt đôi bàn tay run lẩy bẩy và ông lão cảm ơn</p> <p>- HS làm vào VBT</p>
<p>3. Vận dụng:</p> <p>* Mục tiêu: - Ghi lại được kỉ niệm mùa hè mà em nhớ nhất.</p> <p>* Cách tiến hành:</p>	
<p>- Gv cho HS xác định yêu cầu của hoạt động: Ghi lại một kỉ niệm mùa hè mà em nhớ nhất.</p> <p>Gợi ý:</p> <p>+ Vào mùa hè, em thường đi đâu, làm gì? Cùng với những ai?</p> <p>+ Em nhớ nhất nơi nào đã đến hoặc việc nào đã làm? Vì sao?</p> <p>- GV cho HS chia sẻ trước lớp.</p>	<p>- <u>HS xác định yêu cầu của HĐ</u> và làm vào VBT</p> <p>- Hs chia sẻ</p>
<p>* Hoạt động nối tiếp:</p> <p>Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
<p>- Bài văn kể chuyện thường gồm mấy phần?</p> <p>- Phần mở bài ?</p> <p>- GV nhận xét tuyên dương, tổng kết bài học</p>	<p>-HS: -Bài văn kể chuyện thường gồm 3 phần</p> <p>- Giới thiệu câu chuyện</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:

Tất cả các hoạt động trong bài rất hay, linh động, đúng với các bước của tiết dạy.

TIẾNG VIỆT

BÀI 2: ĐOÁ HOA ĐỒNG THOẠI (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

- Nói được 1-2 cuộc thi viết, vẽ.... dành cho thiếu nhi mà em biết, nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; Hiểu được nội dung bài đọc: *Cuộc thi “Đoá hoa đồng thoại” dành riêng một hạng mục cho Hs tiểu học nhằm khuyến khích và phát hiện tài năng sáng tác truyện đồng thoại của các em nhỏ.*

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia đọc trong nhóm.

3. Phẩm chất.

Trách nhiệm, yêu nước, nhân ái.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

SGK, Bìa một số tập truyện đoá hoa đồng thoại. Bảng phụ ghi đoạn 2 và 3

2. Học sinh

SGK, đồ dùng học tập..

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động khởi động: * Mục tiêu: - Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học. - Nói được 1-2 cuộc thi viết, vẽ.... dành cho thiếu nhi mà em biết, nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa. * Cách tiến hành:	
- GV cho HS hoạt động nhóm đôi <u>Nói được 1-2 cuộc thi viết, vẽ.... dành cho thiếu nhi mà em biết.</u> - GV cho HS xem tranh và dẫn dắt vào bài mới: <i>“Đoá hoa đồng thoại”</i> .	- Hs chia sẻ theo nhóm đôi. - Hs ghi bài vào vở.
2. Hoạt động Khám phá và luyện tập: Mục tiêu: - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; Hiểu được nội dung bài đọc: <i>Cuộc thi “Đoá hoa đồng thoại” dành riêng một hạng mục cho Hs tiểu học nhằm khuyến khích và phát hiện tài năng sáng tác truyện đồng thoại của các em nhỏ.</i>	

Cách tiến hành:

2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc thành tiếng

- GV đọc mẫu: Đọc giọng thông thả, rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ tên, mục đích, ý nghĩa..của cuộc thi.

- GV HD đọc:

- Gọi 1 HS đọc toàn bài.

- Luyện đọc từ khó: *truyện, rộng rãi, xuất sắc...*

- Luyện đọc câu dài: Cuộc thi sáng tác truyện /"Đóa hoa đồng thoại" /dành riêng một hạng mục /cho học sinh các trường tiểu học /trên toàn quốc tham gia.

- GV chia đoạn: (3 đoạn)

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “trẻ em hai nước”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “khuyến đọc của Việt Nam”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

- GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn.

- Luyện đọc đoạn: GV tổ chức cho HS luyện đọc đoạn theo nhóm 4.

- GV nhận xét các nhóm.

2.2. Hoạt động 2: Luyện đọc hiểu

- Giải nghĩa từ khó hiểu:

Đóa hoa đồng thoại: Tên cuộc thi sáng tác truyện đồng thoại do Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam bảo trợ. Cuộc thi được tổ chức ở Việt Nam từ năm 2018.

Truyện đồng thoại: truyện sáng tác dành cho trẻ em, trong đó loài vật và các vật được nhân hoá để tạo nên một thế giới thần kì.

Phát hành: đưa ra sử dụng rộng rãi những gì mới in, mới xuất bản.

- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. GV nhận xét, tuyên dương.

- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.

+ Câu 1: Ban Tổ chức cuộc thi “Đóa hoa đồng thoại” mong muốn điều gì khi dành riêng một hạng mục cho học sinh tiểu học?

+ Câu 2: Tìm những chi tiết cho thấy Ban Tổ chức rất đề

- HS lắng nghe.

- HS lắng nghe cách đọc.

- 1 HS đọc toàn bài.

- HS quan sát và đọc từ khó

2-3 HS đọc câu dài.

- HS đọc nối tiếp theo đoạn.

- HS luyện đọc theo nhóm 4.

- HS lắng nghe.

- HS lắng nghe.

- HS trả lời lần lượt các câu hỏi:

+ Ban Tổ chức mong muốn khuyến khích và phát hiện tài năng sáng tác truyện đồng thoại của các em nhỏ khi dành riêng một hạng mục cho học sinh tiểu học.

+ Những chi tiết cho thấy Ban Tổ chức rất đề cao các tác phẩm dự thi đoạt giải:

- Các tác phẩm đoạt giải được dịch sang tiếng Nhật, biên tập, vẽ minh họa, in ấn và phát hành rộng rãi dưới dạng tuyển tập song ngữ Việt - Nhật.

- Toàn bộ lợi nhuận từ việc bán sách được trao tặng cho các quỹ khuyến học, khuyến đọc của Việt Nam.

+ Hằng năm, thí sinh đoạt giải Đặc biệt được tham gia lễ trao giải tại Nhật Bản và được khắc tên trên cúp "Đóa hoa đồng thoại" - phần thưởng vinh danh

<p>cao các tác phẩm đoạt giải.</p> <p>+ Câu 3: Thí sinh đoạt giải Đặc biệt nhận được những vinh dự gì?</p> <p>+ Câu 4: Em mong muốn có thêm cuộc thi nào được tổ chức dành cho thiếu nhi? Vì sao?</p> <p>+ Câu 5: Theo em, bạn nhỏ tưởng tượng những điều gì về mùa hè năm sau?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS nêu nội dung bài. - GV chốt nội dung bài đọc: <i>Cuộc thi “Đoá hoa đồng thoại” dành riêng một hạng mục cho Hs tiểu học nhằm khuyến khích và phát hiện tài năng sáng tác truyện đồng thoại của các em nhỏ.</i> <p>2.3. Hoạt động 3 : Luyện đọc lại.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc lại toàn bài. - GV gọi HS nêu lại ý nghĩa, nội dung bài đọc. - GV yêu cầu học sinh xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng. - GV yêu cầu HS đọc lại đoạn 2 và 3, xác định giọng đọc của 2 đoạn này: thong thả, rõ ràng, rành mạch, nhấn 	<p>các tác giả xuất sắc.</p> <p>+ Em mong muốn được tổ chức thêm cuộc thi: "Sáng tạo dành cho thiếu nhi". Bởi vì đây là một hoạt động khoa học công nghệ có ý nghĩa thiết thực nhằm đẩy mạnh phong trào sáng tạo, phát hiện và khai thác tiềm năng trí tuệ, sáng tạo của thiếu nhi, góp phần khơi dậy tiềm năng, phát huy tư duy sáng tạo nghiên cứu khoa học của thế hệ trẻ nước nhà.</p> <p>HS lắng nghe.</p> <p>-HS lắng nghe. - HS trả lời</p> <p>- HS đọc</p>
---	--

<p>giọng ở từ chỉ việc làm của ban tổ chức, đoạn 3 thể hiện cảm xúc tự hào.</p> <p>Các tác phẩm <u>đoạt giải</u> /<u>được dịch sang tiếng Nhật</u>, /<u>biên tập</u>, /<u>vẽ minh họa</u>,/ <u>in ấn</u> /và <u>phát hành rộng rãi</u> /dưới dạng tuyển tập song ngữ <u>Việt – Nhật</u>. //Toàn bộ <u>lợi nhuận</u> từ việc bán sách/ được trao tặng cho các <u>quỹ khuyến học</u>, /<u>khuyến đọc</u> của Việt Nam.</p> <p>Hằng năm, /thí sinh <u>đoạt giải Đặc biệt</u>/ được tham gia <u>lễ trao giải</u> tại Nhật Bản/ và được <u>khắc tên</u> trên cúp "<u>Đoá hoa đồng thoại</u>" /– phần thưởng <u>vinh danh</u> các tác giả xuất sắc.//</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>HS lắng nghe.</p>
<p>3. Hoạt động nối tiếp</p> <p>Mục tiêu:</p> <p>Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	
<p>Gọi HS nêu lại nội dung bài</p> <p>Nhận xét tiết dạy, tuyên dương</p>	<p>1 HS nêu trước lớp.</p> <p>HS lắng nghe.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:

Tất cả các hoạt động trong bài rất hay, linh động, đúng với các bước của tiết dạy Đọc.

TIẾNG VIỆT

NÓI VÀ NGHE: TRAO ĐỔI VỀ VIỆC XÂY DỰNG TỦ SÁCH CỦA LỚP EM (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

- Biết trao đổi, đóng góp ý kiến trong cuộc họp nhóm bàn về xây dựng tủ sách của lớp.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
Năng lực giao tiếp và hợp tác.

3. Phẩm chất: Trách nhiệm, yêu nước, nhân ái.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

2. Học sinh

- SHS, VBT, bút, vở....

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động khởi động: <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. <ul style="list-style-type: none"> • Cách tiến hành 	
- GV hỏi: Em có thích đọc sách không? Nói tên một cuốn sách mà em thích? - GV kiểm tra sách vở chuẩn bị của học sinh. - Giới thiệu bài mới - Ghi bảng đầu bài.	- HS trả lời câu hỏi - Học sinh nghe giới thiệu, ghi bài.
2. Hoạt động nói và nghe	
Mục tiêu: - Biết trao đổi, đóng góp ý kiến trong cuộc họp nhóm bàn về xây dựng tủ sách của lớp. Cách tiến hành:	
2.1. Nói và nghe -Gv hs nêu yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý -Gv tổ chức HS trao đổi trong nhóm 4 về việc xây dựng tủ sách của lớp em dựa vào gợi ý: + Theo em vì sao cần có tủ sách của lớp? + Em cần làm gì để đóng góp sách? + Em và các bạn nên sắp xếp sách như thế nào? ± Em và các bạn sẽ sử dụng sách ra sao? - GV gọi HS trình bày. - GV nhận xét, tuyên dương	HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý Hs thảo luận nhóm , quan sát theo kỹ thuật Bể cá và nhận xét thảo luận của nhóm bạn HS trình bày kết quả trước lớp -HS lắng nghe.
2.2. Ghi chép	

<ul style="list-style-type: none"> - Gv yêu cầu hs xác định và phân tích yêu cầu của BT2: Ghi chép lại một số việc cần làm để đóng góp sách, cách sắp xếp, sử dụng sách trong khi cùng các bạn trao đổi. - GV yêu cầu Hs làm vào vở nháp. - GV nhận xét nội dung. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS xác định và phân tích yêu cầu BT2 - Hs làm vào vở -HS lắng nghe.
<p>3. Hoạt động nối tiếp Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kỹ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau. Cách tiến hành:</p>	
<p>Em chia sẻ cách em sử dụng sách? Nhận xét tiết dạy, tuyên dương</p>	<p>1-2 hs nêu</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:

Rất thích các hoạt động trong bài dạy

TIẾNG VIỆT

VIẾT : LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN KỂ CHUYỆN (T3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

- Biết lập dàn ý cho bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe về lòng trung thực hoặc nhân hậu.

- Viết và trang trí được nội quy sử dụng tủ sách của lớp em.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
 Năng lực giao tiếp và hợp tác.

3. Phẩm chất.

Trách nhiệm, yêu nước, nhân ái.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

2. Học sinh

-SHS, VBT, bút, vở....

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

<p>Hoạt động của giáo viên</p>	<p>Hoạt động của học sinh</p>
---------------------------------------	--------------------------------------

1. Hoạt động khởi động:

Mục tiêu

+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.

Cách tiến hành

- GV cho HS vận động bài nhạc” Nhảy múa nào bạn ơi”
- GV Kiểm tra sự chuẩn bị đồ dùng học tập của hs.
- Giới thiệu bài mới- Ghi bảng đầu bài.

- HS vận động theo nhạc

- Mở SGK và ghi tựa bài.

2. Lập dàn ý cho bài văn kể chuyện

Mục tiêu: - Biết lập dàn ý cho bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe về lòng trung thực hoặc nhân hậu.

Cách tiến hành:

2.1. Tìm hiểu đề bài

Gv yêu cầu HS đọc đề bài: *Viết bài văn kể lại một câu chuyện đã đọc, đã nghe nói về lòng trung thực hoặc lòng nhân hậu.*

- GV yêu cầu HS phân tích đề bài:

+ Đề bài yêu cầu viết bài văn thuộc thể loại nào?

+ Câu chuyện này do đâu em biết?

+ Câu chuyện kể về nội dung gì?

GV nhận xét và rút ra một số điểm cần lưu ý ở đề bài.

HS đọc và phân tích đề bài.

+ Kể chuyện

+ Đã đọc, đã nghe

+ Kể về lòng trung thực hoặc lòng nhân hậu.

2.2. Lựa chọn câu chuyện

- Gv yêu cầu HS đọc và phân tích yêu cầu BT1.

- Gv yêu cầu HS thảo luận nhóm chia sẻ kể tên câu chuyện và giải thích lý do vì sao câu chuyện đó có nội dung về lòng trung thực hoặc nhân hậu.

- Gv yêu cầu HS chia sẻ trước lớp.

- GV nhận xét.

HS đọc và phân tích yêu cầu BT1

-Hs thảo luận nhóm

-Hs chia sẻ

2.3 Lập dàn ý cho bài văn

- Gv yêu cầu HS xác định yêu cầu BT2 và đọc các gợi ý.

-GV cho HS lập dàn ý bằng cách ghi các từ ngữ, hình ảnh hoặc sự việc chính, khuyến khích HS ghi chép dưới dạng sơ đồ đơn giản.

HS đọc và xác định yêu cầu BT2

-Hs thực hiện

-GV cho HS chia sẻ trước lớp	Hs chia sẻ
3. Vận dụng Mục tiêu: - Viết và trang trí được nội quy sử dụng tủ sách của lớp em. Cách tiến hành:	
- Gv cho HS xác định yêu cầu của hoạt động: - Viết và trang trí nội quy sử dụng tủ sách của lớp em. - GV cho HS chia sẻ trước lớp.	Hs thực hành

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Thứ ... ngày ... tháng ... năm ...

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

MÔN: KHOA HỌC - LỚP 4

BÀI 1: MỘT SỐ TÍNH CHẤT VÀ VAI TRÒ CỦA NƯỚC (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Quan sát và làm được thí nghiệm đơn giản để phát hiện ra một số tính chất của nước.
- Nêu được một số tính chất của nước (không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng nhất định; chảy từ cao xuống thấp, chảy lan ra khắp mọi phía; thấm qua một số vật và hoà tan một số chất).
- Vận dụng được tính chất của nước trong một số trường hợp đơn giản.
- Nêu được và liên hệ thực tế ở gia đình và địa phương về: ứng dụng một số tính chất của nước; vai trò của nước trong đời sống, sản xuất và sinh hoạt.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động trong việc tìm hiểu.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Xác định được nhiệm vụ của nhóm và trách nhiệm, hoạt động của bản thân trong nhóm.

3. Phẩm chất.

- Yêu nước: Yêu thiên nhiên.
- Nhân ái: Thể hiện được sự yêu quý bạn bè trong quá trình thảo luận nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Đồ dùng:

- GV: Các hình trong bài 1 SGK; các vật dụng chứa nước bằng thủy tinh có hình dạng khác nhau; một thìa cát, một thìa muối, một thìa đường; một khăn vải loại dễ thấm nước.
- HS: SGK, VBT.

2. Phương pháp, kĩ thuật:

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.
- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG:	
* Mục tiêu: Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về tính chất của nước.	
* Cách thực hiện: <ul style="list-style-type: none">- GV đặt câu hỏi: “<i>Hằng ngày, gia đình em sử dụng nước vào những việc gì?</i>”- GV mời một vài HS trả lời.- GV nhận xét chung và dẫn dắt vào bài học: “<i>Một số tính chất và vai trò của nước.</i>”	<ul style="list-style-type: none">- HS trả lời theo hiểu biết và trải nghiệm bản thân.- Cả lớp lắng nghe.
B. KIẾN TẠO TRI THỨC MỚI	
Hoạt động 1: Nước là chất không có màu. * Mục tiêu: HS quan sát hình và nêu được tính chất không màu của nước. * Cách tiến hành: <ul style="list-style-type: none">- GV chia lớp thành các nhóm đôi và yêu cầu mỗi nhóm quan sát hình la và 1b, thảo luận để trả lời câu hỏi: <i>Em nhìn thấy rõ trái cây trong cốc nước (hình la) hay cốc sữa (hình 1b)? Vì sao?</i>- GV đề nghị mỗi nhóm thảo luận và cử HS đại diện trả lời.- GV nhận xét các câu trả lời. * Kết luận: <i>Nước là chất không màu.</i>	<ul style="list-style-type: none">- HS thảo luận nhóm đôi thực hiện các yêu cầu của GV. <i>Ta thấy rõ trái cây trong cốc nước vì nước trong suốt, không màu.</i>- Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét.
Hoạt động 2: Nước là chất không có mùi, không có vị. * Mục tiêu: HS quan sát thí nghiệm và nêu được tính chất không mùi, không vị của	

<p>nước.</p> <p>* Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đặt một cốc chứa nước đun sôi để nguội, một cốc chứa giấm và một cốc chứa sữa lên bàn và đề nghị HS nêu cách nhận biết chất chứa trong mỗi cốc. GV đặt câu hỏi: <i>Làm thế nào em nhận biết được cốc chứa nước, cốc chứa sữa và cốc chứa giấm?</i> - GV gợi ý HS thử nhận biết bằng cách ngửi hoặc ném một ít chất lỏng trong mỗi cốc và trả lời câu hỏi GV đã nêu ở trên. <p>* Kết luận: <i>Nước là chất không có mùi, không có vị.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp quan sát và trả lời câu hỏi. <i>So với giấm hoặc sữa, nước không có mùi và cũng không có vị.</i> - Vài HS nêu ý kiến cá nhân, em khác nhận xét.
<p>Hoạt động 3: Nước là chất không có hình dạng nhất định.</p> <p>* Mục tiêu: HS quan sát thí nghiệm và nêu được nước không có hình dạng nhất định mà có hình dạng của vật chứa.</p> <p>* Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS quan sát các hình 2a, 2b, 2c và thực hiện các yêu cầu sau: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Rót cùng một lượng nước (hoặc sữa, hoặc giấm) vào mỗi vật dụng ở hình 2a, 2b và 2.</i> + <i>Nêu nhận xét về hình dạng của nước, sữa và giấm.</i> + <i>Em rút ra kết luận gì về hình dạng của nước, sữa và giấm?</i> - GV có thể mở rộng thêm cho HS bằng cách đặt câu hỏi: <i>Nếu ta rót nước vào những vật chứa khác nhau thì nước sẽ có hình dạng như thế nào?</i> <p>* Kết luận: <i>Nước không có hình dạng nhất định mà có hình dạng của vật chứa nó.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát các hình và thực hiện yêu cầu của GV. + <i>Cả nước, sữa và giấm đều không có hình dạng nhất định.</i> - HS trả lời: <i>Nếu ta rót nước vào những vật chứa khác nhau thì nước sẽ có hình dạng của vật chứa.</i> - Cả lớp lắng nghe.
<p>Hoạt động 4: Cùng thảo luận về một số</p>	

tính chất của nước.

* **Mục tiêu:** HS thực hành để củng cố về một số tính chất của nước.

* **Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm, thảo luận và điền thông tin vào bảng sau:

Chất	Màu	Mùi	Vị	Hình dạng nhất định
Nước	Không
Sữa

- GV yêu cầu HS: Dựa vào thông tin ở bảng vừa điền, hãy nêu một số tính chất chung của nước.

- GV mời một số nhóm trình bày.

- GV và HS nhận xét, rút ra kết luận về một số tính chất của nước.

* **Kết luận:** *Nước là chất không màu, không mùi, không vị.*

Hoạt động 5: Thí nghiệm “Nước hoà tan được một số chất”.

* **Mục tiêu:** HS làm được thí nghiệm, từ đó nêu được một số chất có thể hoà tan trong nước

* **Cách tiến hành:**

- GV chia lớp thành các nhóm nhỏ và phát cho mỗi nhóm bộ dụng cụ thí nghiệm gồm: một thìa cát sạch, một thìa đường, một thìa muối, ba cốc trong suốt đựng nước.

- GV hướng dẫn các nhóm làm thí nghiệm:

+ *Cho một thìa cát, một thìa đường, một thìa muối vào từng cốc nước và khuấy nhẹ.*

+ *Quan sát và nhận xét cát, đường, muối trong mỗi cốc sau khi khuấy nước.*

+ *Kết luận về tính hoà tan của nước.*

- GV quan sát các nhóm làm thí nghiệm.

- GV mời đại diện mỗi nhóm lên trình bày kết quả thí nghiệm và nêu nhận xét về kết

- HS làm việc theo nhóm, thực hiện yêu cầu của GV

Chất	Màu	Mùi	Vị	Hình dạng nhất định
Nước	Không	Không	Không	Không
Sữa	Có	Có	Có	Không
Giấm	Không	Có	Có	Không

- Vài nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét.

- HS lắng nghe.

- HS thực hiện thí nghiệm theo nhóm dưới sự hướng dẫn của GV.

- Đại diện các nhóm trình bày.

<p>quả thí nghiệm.</p> <p>- GV nhận xét và dẫn dắt đề HS nêu được kết luận về tính hoà tan của nước.</p> <p>* Kết luận: <i>Nước hoà tan đường và muối, nhưng không hoà tan cát.</i></p>	
<p>Hoạt động 6: Nước chảy như thế nào và những vật liệu nào thấm được nước?</p> <p>* Mục tiêu: HS quan sát hình và nêu được chiều nước chảy và tính thấm của nước.</p> <p>*Cách tiến hành:</p> <p>- GV chiếu hình 3 và 4 (SGK, trang 7), yêu cầu HS quan sát và trả lời các câu hỏi sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Trong hình 3, nước chảy ra từ ống thoát nước và trên mặt đất như thế nào?</i> + <i>Trong hình 4, nước thấm qua khăn vải hay mặt bàn?</i> + <i>Khi ta làm đồ một cốc nước trên mặt bàn nằm ngang thì nước sẽ chảy như thế nào?</i> <p>- GV có thể cho HS thực hành: đồ ít nước lên một mặt bàn có trải khăn vải và mặt bàn gỗ không có trải khăn vải. Sau đó, GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Nước thấm qua khăn hay mặt bàn?</i> + <i>Em sẽ dùng khăn làm bằng chất liệu gì để lau nước?</i> <p>- GV gọi mở thêm: <i>Các bề mặt được làm từ ni lông, sắt, thuỷ tinh,... sẽ không thấm được nước.</i> GV dẫn dắt để HS có thể nêu được kết luận về chiều nước chảy và tính thấm của nước.</p> <p>* Kết luận: <i>Nước chảy từ cao xuống thấp và chảy theo mọi hướng. Nước có thể thấm qua vải, giấy,... nhưng không thấm qua được ni lông, sắt,...</i></p>	<p>- HS trả lời, em khác nhận xét.</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Trong hình 3, nước chảy ra theo hướng từ trên xuống và lan ra mọi phía.</i> + <i>Trong hình 4, nước thấm qua khăn vải.</i> + <i>Khi ta làm đồ một cốc nước trên mặt bàn nằm ngang thì nước sẽ chảy lan ra mọi phía.</i> <p>- HS thực hiện.</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Nước thấm qua khăn</i> + <i>Dùng khăn vải lau sẽ thấm được nước.</i> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>Hoạt động 7: Đố em</p>	

<p>*Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học về tính chất của nước để giải thích hiện tượng trong thực tiễn đời sống.</p> <p>* Cách tiến hành:</p> <p>- GV tổ chức cho HS thi đua trả lời các câu đố sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Khi trời mưa, ta cần mặc loại trang phục gì để tránh mưa? Vì sao?</i> + <i>Vì sao mái nhà được làm dốc? (Hình 5 SGK, trang 7)</i> <p>- GV yêu cầu HS đọc nội dung Em đã học được:</p> <ul style="list-style-type: none"> • <i>Nước ở dạng lỏng không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng nhất định và hoà tan được một số chất như muối, đường,...</i> • <i>Nước chảy từ cao xuống thấp, chảy lan ra khắp mọi phía.</i> • <i>Nước có thể thấm qua một số chất như vải nhưng không thấm qua được ni lông,...</i> 	<p>- HS thi đua trả lời, em khác nhận xét.</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Nilông không thấm nước nên thường được dùng làm áo mưa.</i> + <i>Mái nhà được thiết kế dốc về một phía để nước chảy xuôi xuống ra khỏi mái nhà.</i> <p>- HS đọc nội dung Em đã học được.</p>
<p>Hoạt động nối tiếp:</p> <p>- GV đánh giá, nhận xét tiết học.</p> <p>- GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu vai trò của nước trong các hoạt động sống hằng ngày ở gia đình em để chuẩn bị cho tiết học sau.</p>	<p>- Cả lớp lắng nghe.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:

.....

.....

.....

Thứ ... ngày ... tháng ... năm ...

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

MÔN: KHOA HỌC - LỚP 4

BÀI 1: MỘT SỐ TÍNH CHẤT VÀ VAI TRÒ CỦA NƯỚC (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Quan sát và làm được thí nghiệm đơn giản để phát hiện ra một số tính chất của nước.
- Nêu được một số tính chất của nước (không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng nhất định; chảy từ cao xuống thấp, chảy lan ra khắp mọi phía; thấm qua một số vật và hoà tan một số chất).
 - Vận dụng được tính chất của nước trong một số trường hợp đơn giản.
 - Nêu được và liên hệ thực tế ở gia đình và địa phương về: ứng dụng một số tính chất của nước; vai trò của nước trong đời sống, sản xuất và sinh hoạt.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động trong việc tìm hiểu.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Xác định được nhiệm vụ của nhóm và trách nhiệm, hoạt động của bản thân trong nhóm.

3. Phẩm chất.

- Yêu nước: Yêu thiên nhiên.
- Nhân ái: Thể hiện được sự yêu quý bạn bè trong quá trình thảo luận nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Đồ dùng:

- GV: Các hình trong bài 1 SGK; các vật dụng chứa nước bằng thuỷ tinh có hình dạng khác nhau; một thìa cát, một thìa muối, một thìa đường; một khăn vải loại dễ thấm nước.
- HS: SGK, VBT.

2. Phương pháp, kĩ thuật:

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.
- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG:	
* Mục tiêu: Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về vai trò của nước trong đời sống hằng ngày, trong sản xuất công nghiệp và nông nghiệp,...	

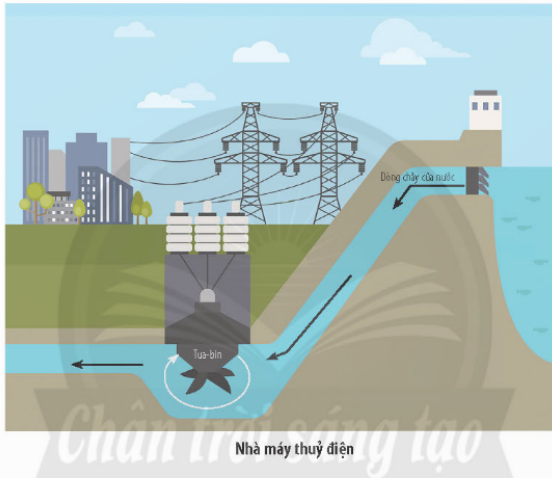
<p>* Cách thực hiện:</p> <p>* Cách thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đặt câu hỏi: <i>Nước cần thiết như thế nào trong đời sống của chúng ta? Em và gia đình sử dụng nước như thế nào?</i> - GV mời 2 – 3 HS trả lời. - GV nhận xét và dẫn dắt vào tiết 2 của bài học. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời theo hiểu biết và trải nghiệm bản thân. - Cả lớp lắng nghe.
---	---

B. VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM

<p>Hoạt động 1: Nước cần thiết cho các sinh hoạt thường ngày của con người.</p> <p>* Mục tiêu: HS nêu được vai trò của nước trong sinh hoạt.</p> <p>* Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS quan sát hình 6 (SGK, trang 8) và trả lời câu hỏi: Nước có vai trò gì đối với sinh hoạt hằng ngày của con người? - GV yêu cầu HS: <i>Hãy kể tên những hoạt động có sử dụng nước trong gia đình em.</i> - GV mời 2 – 3 HS trả lời. - GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận. <p>* Kết luận: <i>Nước cần thiết cho các sinh hoạt thường ngày như giải khát, rửa chén bát và vật dụng, giặt giũ, vệ sinh, tắm gội.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời, em khác nhận xét. <p><i>Nước cần thiết cho các sinh hoạt thường ngày như giải khát, rửa chén bát và vật dụng, giặt giũ, vệ sinh, tắm gội.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời theo trải nghiệm cá nhân. - Cả lớp lắng nghe.
---	---

<p>Hoạt động 2: Nước cần thiết cho đời sống của thực vật và động vật.</p> <p>* Mục tiêu: HS nêu được vai trò của nước đối với đời sống động vật và thực vật.</p> <p>* Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS quan sát hình 7 (SGK, trang 8) và trả lời câu hỏi: <i>Nước cần thiết như thế nào đối với đời sống thực vật và động vật?</i> - GV tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát. - HS thảo luận cặp đôi. <div style="border: 1px solid black; border-radius: 15px; padding: 5px; margin-top: 10px;"> <p>> Nước là môi trường sống của nhiều loài thực vật, động vật.</p> <p>> Nước còn là thành phần quan trọng duy trì sự sống của thực vật và động vật.</p> </div>
--	---

<p>- GV mời đại diện các nhóm trả lời. - GV nhận xét, rút ra kết luận. * Kết luận: <i>Nước cần thiết cho sự sống và phát triển của thực vật và động vật.</i></p>	<p>- Đại diện nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét.</p>
<p>Hoạt động 3: Vai trò của nước trong hoạt động sản xuất và dịch vụ. * Mục tiêu: HS nêu được vai trò của nước trong đời sống sản xuất. * Cách tiến hành: - GV chia lớp thành các nhóm đôi, yêu cầu mỗi nhóm quan sát các hình 8, 9 và 10 (SGK, trang 9), thảo luận để trả lời câu hỏi: + <i>Nước cần thiết như thế nào trong sản xuất nông nghiệp (chăn nuôi, trồng trọt)?</i> + <i>Hình 9 mô tả đập nước của nhà máy thủy điện. Nhà máy này sử dụng nước để làm gì?</i> + <i>Trong hình 10, mọi người đang làm gì? Em có nhận xét gì về vai trò của nước trong các hoạt động, dịch vụ này?</i> - GV mời đại diện các nhóm trả lời. - GV nhận xét, rút ra kết luận. * Kết luận: <i>Nước đóng vai trò quan trọng trong các hoạt động sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.</i> * Thông tin dành cho GV: Hình bên dưới mô tả cách một nhà máy thủy điện để sản xuất dòng điện: Nước được tích trữ ở những đập nước trên cao và chảy từ trên cao xuống, nước đập vào các cánh của tua-bin làm quay tua-bin và tạo ra dòng điện.</p>	<p>- HS hoạt động theo nhóm đôi, thực hiện các yêu cầu của GV. + <i>Nước dùng để tưới tiêu trong nông nghiệp.</i> + <i>Cách vận hành nhà máy điện là: sức nước chảy từ trên cao xuống làm quay tua-bin của máy phát điện để tạo ra dòng điện.</i> + <i>Mọi người đang chèo thuyền ra chợ nổi. Người đi chợ, người mang trái cây ra chợ bán. Khung cảnh giao thông tấp nập.</i> <i>Nhận xét: Nước có ích trong việc chuyên chở hàng hoá và giao thông đường thủy.</i> - Đại diện nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét.</p>



Hoạt động 4: Cùng thảo luận

* **Mục tiêu:** HS liên hệ được thực tế ở địa phương về ứng dụng của nước.

* **Cách tiến hành:**

- GV chia lớp thành các nhóm đôi, yêu cầu mỗi nhóm thảo luận về cách sử dụng nước ở địa phương.

- GV đặt câu hỏi gợi ý cho các nhóm thảo luận:

+ Ở địa phương em, nước được sử dụng trong những hoạt động sản xuất hoặc dịch vụ nào?

+ Ở địa phương em có trại chăn nuôi; nhà máy thủy điện; có dịch vụ nhà hàng, khách sạn, giao thông vận tải không?

- GV mời đại diện các nhóm trình bày.

- GV nhận xét và rút ra kết luận.

* **Kết luận:** Nước đóng vai trò quan trọng trong mọi hoạt động sản xuất và dịch vụ tại địa phương.

- HS hoạt động theo nhóm đôi, thực hiện các yêu cầu của GV.

(Học sinh trả lời theo trải nghiệm bản thân.)

- Đại diện các nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét.

Hoạt động 5: Đố em

* **Mục tiêu:** HS hiểu được một trong những công dụng của nước là sức nước chảy có thể làm bánh xe quay.

* **Cách tiến hành:**

- GV chia lớp thành các nhóm 4, yêu cầu mỗi nhóm quan sát hình 11 (SGK, trang 9)

- HS làm việc theo nhóm 4 dưới sự hướng

và thảo luận để trả lời câu hỏi: *Theo em, bánh xe quay được nhờ vào tính chất nào của nước?*

- GV cung cấp thêm thông tin cho HS hiểu về cách vận hành của bánh xe nước được sử dụng ở vùng Tây Bắc của Việt Nam.

*** Thông tin dành cho GV:**

Bánh xe quay được nhờ sức nước chảy, nước đập vào các lưỡi gắn vào nan bánh xe. Dòng nước chảy tạo lực đẩy làm guồng quay liên tục, dẫn nước về các đồng ruộng và thôn bản. Đây cũng là nguyên tắc vận hành của nhà máy thủy điện.



*** Kết luận:** *Dòng nước chảy có công dụng làm quay bánh xe.*

- GV yêu cầu HS đọc nội dung Em đã học được: *Nước có vai trò quan trọng trong đời sống của con người, động vật và thực vật. Nước được con người sử dụng trong sinh hoạt, hoạt động sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.*
- GV dẫn dắt để HS nêu được các từ khoá của bài: *Không màu – Không mùi – Không vị – Hoà tan – Thẩm.*

dẫn của GV.

Theo em, bánh xe quay được nhờ sức chảy của nước.

- Cả lớp lắng nghe.

- HS đọc.

- HS rút và nêu lại từ khoá.

Hoạt động nói tiếp:

- GV đánh giá, nhận xét tiết học. - GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu về các thể của nước và chuẩn bị bài cho buổi học tiếp theo.	- Cả lớp lắng nghe.
--	---------------------

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:

.....

BÀI 2. THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI Ở ĐỊA PHƯƠNG EM.(Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- + Nhận thức khoa học, lịch sử và địa lý.
- Trình bày được vị trí địa lý và đặc điểm tự nhiên của địa phương em.
- Kể được tên hoạt động kinh tế của địa phương em.
- Nêu được cách thức bảo vệ môi trường của địa phương em.
- + Tìm hiểu về lịch sử và địa lý.
- Xác định được vị trí địa lý của địa phương trên bản đồ Việt Nam.
- Mô tả được một số nét chính về tự nhiên.(Ví dụ, địa hình, khí hậu... của địa phương có sử dụng lược đồ hoặc bản đồ).
- + Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học. Đề xuất và thực hiện một số giải pháp nhằm bảo vệ môi trường ở địa phương.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: trao đổi với tự tin trước thành viên nhóm và trước lớp
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện vấn đề của địa phương, đặt câu hỏi nêu ý kiến làm sáng tỏ thông tin.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: trân trọng các thành tựu mà địa phương đạt được.
- Trách nhiệm: Sẵn sàng hành động bảo vệ môi trường xung quanh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Các hình minh họa trong bài 9 SGK phóng to
- HS: SGK, VBT, giấy màu, bút, kéo, hồ dán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động khởi động: a. Mục tiêu: HS vui vẻ và kết nối vào tiết ôn tập. b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Vấn đáp, lắng nghe tích cực, nhóm, cả lớp. c. Cách tiến hành: Lịch sử và địa lý, là một môn học thú vị. Để học tốt môn này. Em cần một số phương tiện học tập, hỗ trợ. Hãy kể với các bạn một vài phương tiện học tập mà em biết?	

<p>- GV tổ chức cho HSTLCH:”.</p> <p>+ Lịch sử và địa lý, là một môn học thú vị. Để học tốt môn này. Em cần một số phương tiện học tập, hỗ trợ. Hãy kể với các bạn một vài phương tiện học tập mà em biết?</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài học “Bài 2. Thiên nhiên và con người ở địa phương em”</p> <p>- GV ghi tựa bài.</p>	<p>- HS trả lời.</p>
<p>2. Hoạt động Khám phá và luyện tập:</p> <p>2.1. Hoạt động 1: Vị trí địa lý và đặc điểm của địa phương em.</p> <p>a. Mục tiêu: HS nắm được vị trí địa lý và đặc điểm của địa phương mình sinh sống.</p> <p>b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Vấn đáp, động não, trực quan, giải quyết vấn đề, lắng nghe tích cực, nhóm, cả lớp.</p> <p>c. Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV chia lớp thành 4 nhóm.</p> <p>- Giáo viên thông báo thể lệ và phân công mỗi nhóm tìm hiểu một nội dung tương ứng trong 2 phút.</p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận theo các nội dung:</p> <p>N1: + Xác định vị trí địa lý của địa phương em trên bản đồ?</p> <p>+ Địa phương em tiếp giáp với những tỉnh, thành phố, quốc gia nào?</p> <p>N2: + Địa phương em có những dạng địa hình nào?</p> <p>+ Tên dãy núi , cao nguyên là gì? Nằm ở đâu?</p> <p>N3:+ Địa phương em có những mùa nào?</p> <p>+ Đặc điểm nhiệt độ và độ mưa như thế nào?</p> <p>N4: Địa phương em có những sông, hồ nào, nằm ở đâu?</p>	<p>- HS thảo luận</p> <p>- Thư kí nhóm ghi thông tin vào bảng phụ</p> <p>- Các nhóm chia sẻ chéo nội dung.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS lên xác định trên bản đồ</p> <p>- Phía Đông giáp tỉnh Lâm Đồng và Đồng Nai, phía Tây giáp tỉnh Tây Ninh và Campuchia, phía Nam giáp tỉnh Bình Dương và phía Bắc tỉnh Đắk Lắk và Campuchia.</p> <p>- Cao nguyên ở phía Bắc và Đông Bắc, dạng địa hình đồi núi, thấp dần về phía Tây và Tây Nam.</p> <p>- Núi Bà Rá</p> <p>-2 mùa: Mùa mưa và mùa khô</p> <p>-Có lượng mưa hàng năm giao động từ 2.040 - 2.320 mm. Mùa khô thường diễn ra vào cuối tháng 11 đến đầu tháng 5 năm sau</p> <p>- Nhiệt độ cao nhất từ 37°C- 38°C, nhiệt độ thấp nhất từ 24°C- 25°C</p> <p>- Sông Bé, sông Đồng Nai, sông Sài Gòn...</p> <p>-Hồ Cần Đơn, hồ Thác Mơ, hồ Phước</p>

<p>- Giáo viên nhận xét, tổng kết và mời học sinh xung phong lên xác định lại cho cả lớp.</p>	<p>Hoà,...</p>
<p>2.2. Hoạt động 2: Hoạt động kinh tế của địa phương em</p> <p>a. Mục tiêu: HS nắm được một số các hoạt động kinh tế của địa phương.</p> <p>b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Vấn đáp, động não, trực quan, giải quyết vấn đề, lắng nghe tích cực, nhóm, cả lớp.</p> <p>c. Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi, hướng dẫn HS quan sát lược đồ hoặc bản đồ địa phương để trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Địa phương em có những nông sản nào?</p> <p>+ Các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản phân bố ở đâu?</p> <p>+ Địa phương em có những ngành công nghiệp nào?</p> <p>+ Kể tên trung tâm công nghiệp ở địa phương em.?</p> <p>+ Hoạt động công nghiệp phân bố ở đâu?</p> <p>+ Địa phương có những ngành dịch vụ nào?</p> <p>+ Các ngành dịch vụ phân bố ở đâu?</p> <p>- Giáo viên chốt một số thông tin cơ bản về kinh tế của địa phương. Giáo viên nhấn mạnh một số thuật ngữ để học sinh có cái nhìn rõ nét về các ngành kinh tế.</p> <p>- Giáo viên tổ chức trò chơi ai nhanh hơn</p> <p>* GVGD: Các hoạt động kinh tế góp phần nâng cao đời sống người dân. Cần giúp đỡ cha mẹ những việc vừa sức để cha mẹ yên tâm làm kinh tế.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>* GVKL: Hoạt động kinh tế của địa phương đa dạng như chăn nuôi, trồng trọt, sản xuất công nghiệp.</p>	<p>- HS quan sát tranh lược đồ, bản đồ</p> <p>- HS ghi lại thông tin vào vở hoặc phiếu làm nhóm.</p> <p>- Hạt điều, hạt tiêu, cao su, cà phê....</p> <p>- Phân bố trên toàn tỉnh</p> <p>-Ngành công nghiệp chế biến và sản xuất như may mặc, da giày, xi măng...</p> <p>- Khu công nghiệp Minh Hưng, Chơn Thành, Đồng Xoài...</p> <p>- Tập trung ở các khu công nghiệp</p> <p>- Thương mại, du lịch, công nghiệp...</p> <p>-Phân bố trên toàn tỉnh</p> <p>- Học sinh trả lời</p>
<p>3. Hoạt động nối tiếp:</p> <p>a. Mục tiêu: Củng cố lại nội dung bài học.</p> <p>b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Vấn đáp, động não, lắng nghe tích cực, cả lớp.</p> <p>c. Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV nhận xét chung tiết học.</p> <p>- GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu thêm về một hoạt động kinh tế đặc trưng của địa phương.</p> <p>+ Tên ngành kinh tế</p>	<p>- HS lắng nghe</p>

+Tình hình sản xuất và phân bố hiện nay của ngành? + Ngành kinh tế hiện nay có ảnh hưởng đến môi trường như thế nào?	
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

BÀI 2. THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI Ở ĐỊA PHƯƠNG EM (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- + Nhận thức khoa học, lịch sử và địa lý.
- Trình bày được vị trí địa lý và đặc điểm tự nhiên của địa phương em.
- Kể được tên hoạt động kinh tế của địa phương em.
- Nêu được cách thức bảo vệ môi trường của địa phương em.
- + Tìm hiểu về lịch sử và địa lý.
- Xác định được vị trí địa lý của địa phương trên bản đồ Việt Nam.
- Mô tả được một số nét chính về tự nhiên.(Ví dụ, địa hình, khí hậu... của địa phương có sử dụng lược đồ hoặc bản đồ).
- + Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học. Đề xuất và thực hiện một số giải pháp nhằm bảo vệ môi trường ở địa phương.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: trao đổi với tự tin trước thành viên nhóm và trước lớp
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện vấn đề của địa phương, đặt câu hỏi nêu ý kiến làm sáng tỏ thông tin.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: trân trọng các thành tựu mà địa phương đạt được.
- Trách nhiệm: Sẵn sàng hành động bảo vệ môi trường xung quanh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- **GV:** Các hình minh họa trong bài 9 SGK phóng to
- **HS:** SGK, VBT, giấy màu, bút, kéo, hồ dán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động khởi động: a. Mục tiêu: HS vui vẻ và kết nối vào tiết học. b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Vấn đáp, trò chơi, cả lớp. c. Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS trò chơi đoán tên món ăn mà nơi mình sinh sống. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài học "Bài 2. Thiên 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chơi trò chơi. - HS lắng nghe.

<p>nhiên và con người ở địa phương em” (tiết 2) - GV ghi tựa bài.</p>	
<p>2. Hoạt động Khám phá và luyện tập: 2.3. Hoạt động 3: Bảo vệ môi trường của địa phương em a. Mục tiêu: HS biết bảo vệ môi trường của địa phương. Biết quan sát, khuyến nghị và xử lý tình huống liên quan đến an toàn, vệ sinh trường học. b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Vấn đáp, động não, trực quan, giải quyết vấn đề, lắng nghe tích cực, nhóm, cả lớp. c. Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu học sinh quan sát một số hình ảnh hoặc video về vấn đề môi trường của địa phương và suy nghĩ viết thông tin cá nhân vào vở hoặc giấy + Nêu những vấn đề về môi trường của địa phương em? + Nêu 2 giải pháp của em nhằm bảo vệ môi trường? - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm quan sát các hình 1, 2 trong SGK trang 40 để trả lời câu hỏi. - GV nhận xét, tuyên dương. * GVGD: Giáo viên có thể phát động chương trình hành động nhằm bảo vệ môi trường tại gia đình hoặc trường học như trồng cây xanh, phân loại rác. * GVKL: Cần bảo vệ môi trường của địa phương...</p>	<p>- HS quan sát tranh - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV - HS trả lời - HS nêu 2 giải pháp - HS chia sẻ và nêu ý kiến bổ sung</p>
<p>2.4. Hoạt động 4: Luyện tập - Vận dụng a. Mục tiêu: Giúp HS tự hệ thống lại kiến thức và ghi nhớ kiến thức sâu và lâu hơn. b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Vấn đáp, động não, lắng nghe tích cực, cả lớp. c. Cách tiến hành:</p>	
<p>+ Giáo viên hướng dẫn nội dung luyện tập phần vẽ sơ đồ tư duy. Giáo viên chia sẻ video để học sinh tìm hiểu thêm. Đồng thời phân ghi bài trên bảng bằng sơ đồ tư duy để học sinh dễ hình dung và làm quen, thực hành hiệu quả.</p>	<p>- HS lắng nghe và quan sát và thực hành theo -Học sinh có thể sưu tầm hình ảnh tự nhiên và kinh tế của địa phương qua báo chí, hình tự chụp nhằm giới thiệu với cả lớp trong tiết học sau.</p>
<p>3. Hoạt động nối tiếp:</p>	

<p>a. Mục tiêu: Củng cố lại nội dung bài học.</p> <p>b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Vấn đáp, động não, lắng nghe tích cực, cả lớp.</p> <p>c. Cách tiến hành:</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét chung tiết học. - GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu thêm về một hoạt động kinh tế đặc trưng của địa phương. + Tên ngành kinh tế + Tình hình sản xuất và phân bố hiện nay của ngành? + Ngành kinh tế hiện nay có ảnh hưởng đến môi trường như thế nào? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

BÀI 2. THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI Ở ĐỊA PHƯƠNG EM.(Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- + Nhận thức khoa học, lịch sử và địa lý.
- Trình bày được vị trí địa lý và đặc điểm tự nhiên của địa phương em.
- Kể được tên hoạt động kinh tế của địa phương em.
- Nêu được cách thức bảo vệ môi trường của địa phương em.
- + Tìm hiểu về lịch sử và địa lý.
- Xác định được vị trí địa lý của địa phương trên bản đồ Việt Nam.
- Mô tả được một số nét chính về tự nhiên.(Ví dụ, địa hình, khí hậu... của địa phương có sử dụng lược đồ hoặc bản đồ).
- + Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học. Đề xuất và thực hiện một số giải pháp nhằm bảo vệ môi trường ở địa phương.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: trao đổi với tự tin trước thành viên nhóm và trước lớp
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện vấn đề của địa phương, đặt câu hỏi nêu ý kiến làm sáng tỏ thông tin.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: trân trọng các thành tựu mà địa phương đạt được.
- Trách nhiệm: Sẵn sàng hành động bảo vệ môi trường xung quanh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Các hình minh họa trong bài 9 SGK phóng to

- HS: SGK, VBT, giấy màu, bút, kéo, hồ dán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Hoạt động khởi động:</p> <p>a. Mục tiêu: HS vui vẻ và kết nối vào tiết ôn tập.</p> <p>b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Vấn đáp, lắng nghe tích cực, nhóm, cả lớp.</p> <p>c. Cách tiến hành:</p> <p>Lịch sử và địa lý, là một môn học thú vị. Để học tốt môn này. Em cần một số phương tiện học tập, hỗ trợ. Hãy kể với các bạn một vài phương tiện học tập mà em biết?</p>	
<p>- GV tổ chức cho HSTLCH:”.</p> <p>+ Lịch sử và địa lý, là một môn học thú vị. Để học tốt môn này. Em cần một số phương tiện học tập, hỗ trợ. Hãy kể với các bạn một vài phương tiện học tập mà em biết?</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài học “Bài 2. Thiên nhiên và con người ở địa phương em”</p> <p>- GV ghi tựa bài.</p>	<p>- HS trả lời.</p>
<p>2. Hoạt động Khám phá và luyện tập:</p> <p>2.1. Hoạt động 1: Vị trí địa lý và đặc điểm của địa phương em.</p> <p>a. Mục tiêu: HS nắm được vị trí địa lý và đặc điểm của địa phương mình sinh sống.</p> <p>b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Vấn đáp, động não, trực quan, giải quyết vấn đề, lắng nghe tích cực, nhóm, cả lớp.</p> <p>c. Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV chia lớp thành 4 nhóm.</p> <p>- Giáo viên thông báo thể lệ và phân công mỗi nhóm tìm hiểu một nội dung tương ứng trong 2 phút.</p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận theo các nội dung:</p> <p>N1: + Xác định vị trí địa lý của địa phương em trên bản đồ?</p> <p>+ Địa phương em tiếp giáp với những tỉnh, thành phố, quốc gia nào?</p> <p>N2: + Địa phương em có những dạng địa hình nào?</p> <p>+ Tên dãy núi , cao nguyên là gì? Nằm ở đâu?</p>	<p>- HS thảo luận</p> <p>- Thư kí nhóm ghi thông tin vào bảng phụ</p> <p>- Các nhóm chia sẻ chéo nội dung.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS lên xác định trên bản đồ</p> <p>- Phía Đông giáp tỉnh Lâm Đồng và Đồng Nai, phía Tây giáp tỉnh Tây Ninh và Campuchia, phía Nam giáp tỉnh Bình Dương và phía Bắc tỉnh Đắk Lắk và Campuchia.</p> <p>- Cao nguyên ở phía Bắc và Đông Bắc, dạng địa hình đồi núi, thấp dần về phía Tây và Tây Nam.</p> <p>- Núi Bà Rá</p>

<p>N3:+ Địa phương em có những mùa nào?</p> <p>+ Đặc điểm nhiệt độ và độ mưa như thế nào?</p> <p>N4: Địa phương em có những sông, hồ nào, nằm ở đâu?</p> <p>- Giáo viên nhận xét, tổng kết và mời học sinh xung phong lên xác định lại cho cả lớp.</p>	<p>-2 mùa: Mùa mưa và mùa khô</p> <p>-Có lượng mưa hàng năm giao động từ 2.040 - 2.320 mm. Mùa khô thường diễn ra vào cuối tháng 11 đến đầu tháng 5 năm sau</p> <p>- Nhiệt độ cao nhất từ 37°C- 38°C, nhiệt độ thấp nhất từ 24°C- 25°C</p> <p>- Sông Bé, sông Đồng Nai, sông Sài Gòn...</p> <p>-Hồ Cần Đơn, hồ Thác Mơ, hồ Phước Hoà,...</p>
<p>2.2. Hoạt động 2: Hoạt động kinh tế của địa phương em</p> <p>a. Mục tiêu: HS nắm được một số các hoạt động kinh tế của địa phương.</p> <p>b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Vấn đáp, động não, trực quan, giải quyết vấn đề, lắng nghe tích cực, nhóm, cả lớp.</p> <p>c. Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi, hướng dẫn HS quan sát lược đồ hoặc bản đồ địa phương để trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Địa phương em có những nông sản nào?</p> <p>+ Các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản phân bố ở đâu?</p> <p>+ Địa phương em có những ngành công nghiệp nào?</p> <p>+ Kể tên trung tâm công nghiệp ở địa phương em.?</p> <p>+ Hoạt động công nghiệp phân bố ở đâu?</p> <p>+ Địa phương có những ngành dịch vụ nào?</p> <p>+ Các ngành dịch vụ phân bố ở đâu?</p> <p>- Giáo viên chốt một số thông tin cơ bản về kinh tế của địa phương. Giáo viên nhấn mạnh một số thuật ngữ để học sinh có cái nhìn rõ nét về các ngành kinh tế.</p> <p>- Giáo viên tổ chức trò chơi ai nhanh hơn</p> <p>* GVGD: Các hoạt động kinh tế góp phần nâng cao đời sống người dân. Cần giúp đỡ cha mẹ những việc vừa sức để cha mẹ yên tâm làm kinh tế.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>* GVKL: Hoạt động kinh tế của địa phương đa dạng như chăn nuôi, trồng trọt,</p>	<p>- HS quan sát tranh lược đồ, bản đồ</p> <p>- HS ghi lại thông tin vào vở hoặc phiếu làm nhóm.</p> <p>- Hạt điều, hạt tiêu, cao su, cà phê....</p> <p>- Phân bố trên toàn tỉnh</p> <p>-Ngành công nghiệp chế biến và sản xuất như may mặc, da giày, xi măng...</p> <p>- Khu công nghiệp Minh Hưng, Chơn Thành, Đồng Xoài...</p> <p>- Tập trung ở các khu công nghiệp</p> <p>- Thương mại, du lịch, công nghiệp...</p> <p>-Phân bố trên toàn tỉnh</p> <p>- Học sinh trả lời</p>

sản xuất công nghiệp.	
3. Hoạt động nối tiếp:	
a. Mục tiêu: Củng cố lại nội dung bài học.	
b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Vấn đáp, động não, lắng nghe tích cực, cả lớp.	
c. Cách tiến hành:	
- GV nhận xét chung tiết học. - GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu thêm về một hoạt động kinh tế đặc trưng của địa phương. + Tên ngành kinh tế + Tình hình sản xuất và phân bố hiện nay của ngành? + Ngành kinh tế hiện nay có ảnh hưởng đến môi trường như thế nào?	- HS lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

BÀI 2. THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI Ở ĐỊA PHƯƠNG EM (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- + Nhận thức khoa học, lịch sử và địa lý.
- Trình bày được vị trí địa lý và đặc điểm tự nhiên của địa phương em.
- Kể được tên hoạt động kinh tế của địa phương em.
- Nêu được cách thức bảo vệ môi trường của địa phương em.
- + Tìm hiểu về lịch sử và địa lý.
- Xác định được vị trí địa lý của địa phương trên bản đồ Việt Nam.
- Mô tả được một số nét chính về tự nhiên.(Ví dụ, địa hình, khí hậu... của địa phương có sử dụng lược đồ hoặc bản đồ).
- + Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học. Đề xuất và thực hiện một số giải pháp nhằm bảo vệ môi trường ở địa phương.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: trao đổi với tự tin trước thành viên nhóm và trước lớp
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện vấn đề của địa phương, đặt câu hỏi nêu ý kiến làm sáng tỏ thông tin.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: trân trọng các thành tựu mà địa phương đạt được.
- Trách nhiệm: Sẵn sàng hành động bảo vệ môi trường xung quanh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- **GV:** Các hình minh họa trong bài 9 SGK phóng to
- **HS:** SGK, VBT, giấy màu, bút, kéo, hồ dán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động khởi động: a. Mục tiêu: HS vui vẻ và kết nối vào tiết học. b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Vấn đáp, trò chơi, cả lớp. c. Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS trò chơi đoán tên món ăn mà nơi mình sinh sống. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài học " Bài 2. Thiên nhiên và con người ở địa phương em " (tiết 2) - GV ghi tựa bài.	- HS chơi trò chơi. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động Khám phá và luyện tập: 2.3. Hoạt động 3: Bảo vệ môi trường của địa phương em a. Mục tiêu: HS biết bảo vệ môi trường của địa phương. Biết quan sát, khuyến nghị và xử lý tình huống liên quan đến an toàn, vệ sinh trường học. b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Vấn đáp, động não, trực quan, giải quyết vấn đề, lắng nghe tích cực, nhóm, cả lớp. c. Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu học sinh quan sát một số hình ảnh hoặc video về vấn đề môi trường của địa phương và suy nghĩ viết thông tin cá nhân vào vở hoặc giấy + Nêu những vấn đề về môi trường của địa phương em? + Nêu 2 giải pháp của em nhằm bảo vệ môi trường? - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm quan sát các hình 1, 2 trong SGK trang 40 để trả lời câu hỏi. - GV nhận xét, tuyên dương. * GVGD: Giáo viên có thể phát động chương trình hành động nhằm bảo vệ môi trường tại gia đình hoặc trường học như trồng cây xanh, phân loại rác. * GVKL: Cần bảo vệ môi trường của địa phương...	- HS quan sát tranh - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV - HS trả lời - HS nêu 2 giải pháp - HS chia sẻ và nêu ý kiến bổ sung
2.4. Hoạt động 4: Luyện tập - Vận dụng a. Mục tiêu: Giúp HS tự hệ thống lại kiến thức và ghi nhớ kiến thức sâu và lâu hơn. b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Vấn đáp, động não, lắng nghe tích cực, cả lớp. c. Cách tiến hành:	

<p>+ Giáo viên hướng dẫn nội dung luyện tập phân vẽ sơ đồ tư duy. Giáo viên chia sẻ video để học sinh tìm hiểu thêm. Đồng thời phân ghi bài trên bảng bằng sơ đồ tư duy để học sinh dễ hình dung và làm quen, thực hành hiệu quả.</p>	<p>- HS lắng nghe và quan sát và thực hành theo</p> <p>- Học sinh có thể sưu tầm hình ảnh tự nhiên và kinh tế của địa phương qua báo chí, hình tự chụp nhằm giới thiệu với cả lớp trong tiết học sau.</p>
<p>3. Hoạt động nối tiếp:</p> <p>a. Mục tiêu: Củng cố lại nội dung bài học.</p> <p>b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Vấn đáp, động não, lắng nghe tích cực, cả lớp.</p> <p>c. Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV nhận xét chung tiết học.</p> <p>- GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu thêm về một hoạt động kinh tế đặc trưng của địa phương.</p> <p>+ Tên ngành kinh tế</p> <p>+ Tình hình sản xuất và phân bố hiện nay của ngành?</p> <p>+ Ngành kinh tế hiện nay có ảnh hưởng đến môi trường như thế nào?</p>	<p>- HS lắng nghe</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

CHỦ ĐỀ: BIẾT ƠN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Bài 1: Người lao động quanh em

(Tiết 1)

I. Yêu cầu cần đạt:

1. Năng lực đặc thù

- Năng lực điều chỉnh hành vi: Nêu được đóng góp của một số người lao động ở xung quanh; biết vì sao phải biết ơn người lao động.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động trong việc tìm hiểu thêm những đóng góp của những người lao động ở xung quanh.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Xác định được nhiệm vụ của nhóm và trách nhiệm, hoạt động của bản thân trong nhóm.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: Kính trọng, biết ơn người lao động.
- Nhân ái: Thể hiện được sự quý trọng bạn bè trong quá trình thảo luận nhóm.

II. Đồ dùng dạy học:

- GV: SGK, bài giảng Power Point
- HS: SGK

III. Các hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Hoạt động khởi động (5 phút)	
Hoạt động 1: Đố bạn	
a. Mục tiêu	
- Tạo hứng thú học tập cho HS, nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới	
b. Cách tiến hành	
<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức HS chơi trò chơi Đố bạn. Cách chơi: GV chuẩn bị các lá thăm có viết tên nghề nghiệp. Mỗi lượt 2HS bốc thăm, thảo luận và diễn tả bằng hành động. Các HS còn lại đoán tên nghề nghiệp - Yêu cầu HS kể thêm một số tên nghề nghiệp mà em biết? - Nhận xét, dẫn dắt vào bài mới: Người lao động quanh em (Tiết 1) 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi - HS thi đua kể - HS lắng nghe
2. Hoạt động Kiến tạo tri thức mới (15 phút)	
Hoạt động 2: Nêu công việc và đóng góp của người lao động trong tranh	
a. Mục tiêu	
- HS nêu được đóng góp của một số người lao động	
b. Cách tiến hành	
<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức HS thảo luận nhóm 4 quan sát tranh, nêu công việc và đóng góp của những người trong tranh - Gọi đại diện các nhóm trình bày - Nhận xét, tuyên dương - Kể thêm đóng góp của người lao động trong các công việc khác? - GV nhận xét, kết luận: Mỗi người lao động đều có đóng góp ý nghĩa cho xã hội. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận nhóm 4 thực hiện yêu cầu Tranh 1: Nhân viên giao hàng => giao hàng hóa Tranh 2: Chiến sĩ hải quân => bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Tranh 3: Thợ may => may quần áo, mũ, nón. Tranh 4: Ngư dân => đánh bắt tôm, cá Tranh 5: Nông dân => sản xuất lương thực (lúa, gạo,...) Tranh 6: Giáo viên => dạy học - Đại diện các nhóm chia sẻ - HS lắng nghe - HS thi đua kể cá nhân - Lắng nghe
Hoạt động 3: Đọc chuyện và trả lời câu hỏi	

<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS biết vì sao phải biết ơn người lao động <p>b. Cách tiến hành</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc câu chuyện Buổi học đầu tiên - Tổ chức HS thảo luận nhóm đôi TLCH: + Cô giáo đã làm gì sau khi Hà giới thiệu về nghề nghiệp của bố mẹ? + Theo em, vì sao phải biết ơn người lao động? 	<ul style="list-style-type: none"> - 1HS đọc câu chuyện - HS thảo luận nhóm đôi + Cô giáo đã đặt tay lên vai Hà an ủi, động viên; nói lời cảm ơn với bố mẹ Hà và dặn cả lớp phải biết ơn người lao động. + HS trả lời theo ý hiểu Ví dụ: Phải biết ơn người lao động vì họ giúp cuộc sống, xã hội tốt đẹp hơn; Biết ơn người lao động là hành vi văn minh, lịch sự, biểu hiện của người dân yêu nước,.....
<ul style="list-style-type: none"> - Gọi đại diện các nhóm TLCH - Nhận xét, tuyên dương 	
<p>3. Hoạt động luyện tập (15 phút)</p>	
<p>Hoạt động 4: Nhận xét các ý kiến</p>	
<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thái độ phù hợp với các đóng góp của người lao động và củng cố được ý nghĩa của việc biết ơn người lao động. 	
<p>b. Cách tiến hành</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức HS thảo luận nhóm 4 đọc thông tin và nhận xét các ý kiến. Sau mỗi ý kiến được nêu GV sẽ hỏi HS vì sao đồng tình hoặc không đồng tình. - Gọi đại diện các nhóm trình bày - Nhận xét, tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận nhóm 4 Đồng tình với các ý kiến: 1, 2, 4 Không đồng tình với ý kiến: 3 - Đại diện các nhóm chia sẻ - Lắng nghe
<p>Hoạt động 5: Bày tỏ thái độ đồng tình hoặc không đồng tình</p>	
<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS có thái độ phù hợp với các đóng góp của người lao động và củng cố được ý nghĩa của việc biết ơn người lao động. 	
<p>b. Cách tiến hành</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức HS đọc thông tin và làm việc cá nhân. Giơ thẻ cười/ không cười tương ứng với đồng tình/ không đồng tình và giải thích vì sao. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chọn thẻ Tranh 1: Đồng tình (Nhận biết phù hợp về đóng góp của cô lao công trong trường học) Tranh 2: Đồng tình (Phát biểu phù hợp về thái độ với người lao động) Tranh 3: Không đồng tình (Phát biểu chưa phù hợp về đóng góp của người lao động thiết kế thời trang) Tranh 4: Đồng tình (Có thái độ biết ơn với cảnh sát phòng cháy chữa cháy)

- Nhận xét, kết luận: Cần biết ơn với người lao động. Cần có thái độ không đồng tình với những hành vi, lời nói thiếu sự tôn trọng với người lao động,	- HS lắng nghe
4. Hoạt động tiếp nối (5 phút)	
- Tổ chức HS trả lời câu hỏi: Em cần làm gì để thể hiện sự biết ơn với người lao động? - Nhận xét, tuyên dương - GDHS: Biết ơn, kính trọng người lao động - Nhận xét tiết học - Dặn HS thể hiện sự biết ơn với những người lao động xung quanh - Chuẩn bị bài: Người lao động quanh em (Tiết 2)	- HS thi đua trả lời - Lắng nghe - Lắng nghe và thực hiện
IV. Điều chỉnh sau tiết dạy:	

CHỦ ĐỀ: BIẾT ƠN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Bài 1: Người lao động quanh em

(Tiết 2)

I. Yêu cầu cần đạt:

1. Năng lực đặc thù

- Năng lực điều chỉnh hành vi: Nêu được đóng góp của một số người lao động ở xung quanh; biết vì sao phải biết ơn người lao động.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động trong việc tìm hiểu thêm những đóng góp của những người lao động ở xung quanh.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Xác định được nhiệm vụ của nhóm và trách nhiệm, hoạt động của bản thân trong nhóm.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: Kính trọng, biết ơn người lao động.

- Nhân ái: Thể hiện được sự quý trọng bạn bè trong quá trình thảo luận nhóm.

II. Đồ dùng dạy học:

- GV: SGK, giáo án điện tử

- HS: SGK

III. Các hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Hoạt động khởi động (5 phút)	
a. Mục tiêu	
- Tạo hứng thú học tập cho HS	
b. Cách tiến hành	
- Tổ chức HS lắng nghe bài hát Em muốn làm nghề gì?	- HS lắng nghe bài hát
- Những nghề nghiệp nào được nhắc đến	- HS trả lời

<p>trong bài hát?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, dẫn dắt vào bài mới: Người lao động quanh em (tiết 2) 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe 						
<p>2. Hoạt động luyện tập (15 phút)</p>							
<p>Hoạt động 6: Xử lí tình huống</p>							
<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS vận dụng kiến thức đã học để củng cố và nêu những đóng góp và lí do phải biết ơn người lao động. <p>b. Cách tiến hành</p>							
<ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc tình huống - Chia lớp thành nhóm 6 nhóm (4HS). + Nhóm 1, 2, 3 thảo luận và đóng vai xử lí tình huống 1. + Nhóm 4, 5, 6 thảo luận và đóng vai xử lí tình huống 2. - Gọi các nhóm lên xử lí tình huống - Tổ chức HS nhận xét - GV nhận xét, kết luận: Phải biết ơn người lao động vì họ đã giúp cho cuộc sống, xã hội tốt đẹp hơn. Mọi của cải trong xã hội có được là nhờ người lao động. Biết ơn người lao động là hành vi văn minh, lịch sự, được mọi người yêu quý. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1HS đọc - HS chia nhóm xử lí tình huống - Các nhóm đóng vai trước lớp - HS nhận xét - Lắng nghe 						
<p>3. Vận dụng (15 phút)</p>							
<p>Hoạt động 7: Chia sẻ và ghi sổ tay</p>							
<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS củng cố kiến thức, thái độ với đóng góp của người lao động và lí do phải biết ơn người lao động. <p>b. Cách tiến hành</p>							
<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức HS thảo luận nhóm đôi: Chia sẻ về đóng góp của một người lao động mà em biết? - Tổ chức HS chia sẻ trước lớp - Nhận xét - GV hướng dẫn HS ghi sổ tay về công việc và đóng góp một số nghề nghiệp mà em yêu thích <p>Ví dụ:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận nhóm đôi chia sẻ - HS chia sẻ trước lớp - Lắng nghe - HS lắng nghe và thực hiện 						
<table border="1"> <thead> <tr> <th data-bbox="147 1864 329 1955">Tên nghề</th> <th data-bbox="329 1864 570 1955">Mô tả công việc</th> <th data-bbox="570 1864 756 1955">Đóng góp của nghề</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="147 1955 329 1997">Bác sĩ</td> <td data-bbox="329 1955 570 1997">Khám, chữa</td> <td data-bbox="570 1955 756 1997">Chăm sóc</td> </tr> </tbody> </table>		Tên nghề	Mô tả công việc	Đóng góp của nghề	Bác sĩ	Khám, chữa	Chăm sóc
Tên nghề	Mô tả công việc	Đóng góp của nghề					
Bác sĩ	Khám, chữa	Chăm sóc					

	bệnh	sức khỏe cho con người.	
			- HS chia sẻ
			- HS đọc
			- HS nêu theo ý hiểu
			- Lắng nghe và thực hiện
IV: Điều chỉnh sau tiết dạy:			

TUẦN 1:

PHẦN 1: CÔNG NGHỆ VÀ ĐỜI SỐNG

Bài 1: HOA VÀ CÂY CẢNH QUANH EM (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết một các loại hoa, cây cảnh phổ biến trong đời sống.
- Nêu được lợi ích của hoa và cây cảnh trong đời sống.
- Rèn luyện kĩ năng để góp phần phát triển năng lực công nghệ, năng lực thẩm mỹ.
- Vận dụng, lựa chọn, sử dụng hợp lí lợi ích của hoa và cây cảnh trong cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tìm hiểu lợi ích của hoa và cây cảnh ở gia đình, trường học, địa phương đối với đời sống.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất được ý tưởng dùng hoa, cây cảnh để trang trí trong phòng học hoặc ở nhà.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm để đề xuất các vấn đề của bài học.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Thông qua các hoạt động tìm hiểu về hoa, cây cảnh trong cuộc sống góp phần yên thiên nhiên, quê hương đất nước.
- Phẩm chất nhân ái: Có thái độ vui vẻ, hòa nhã, đoàn kết trong hợp tác nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

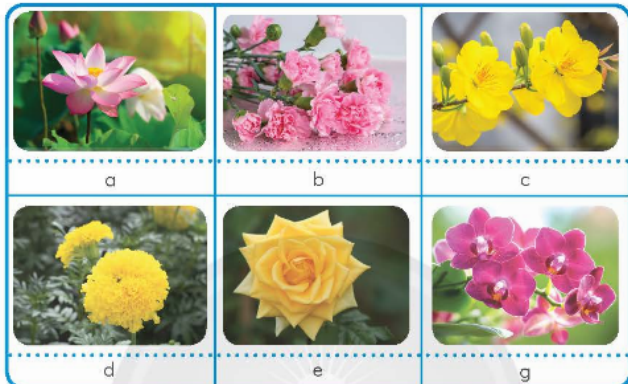
- Phẩm chất chăm chỉ: tích cực với việc trồng, chăm sóc và bảo vệ hoa, cây cảnh.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể. Yêu thích hoa và cây cảnh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu video một số loài hoa một số cây cảnh đẹp để khởi động bài học. + GV Cùng trao đổi với HS về vẻ đẹp của hoa, cây cảnh đã xem trong video: Em nhận xét xem. + GV hỏi thêm: Em có thích hoa và cây cảnh không? - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp theo dõi video. - HS chia sẻ những suy nghĩ của mình qua xem video hoa và cây cảnh đẹp. - HS trả lời theo suy nghĩ của mình. - HS lắng nghe.
<p>2. Hoạt động khám phá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Nhận biết và nêu được đặc điểm của các loại hoa, cây cảnh phổ biến trong đời sống. + Rèn luyện kĩ năng để góp phần phát triển năng lực công nghệ, năng lực thẩm mỹ. - Cách tiến hành: 	
<p>Hoạt động 1: Nhận biết tên của một số loài hoa, cây cảnh phổ biến.</p> <p>1.1. Nhận biết tên của một số loài hoa. (Làm việc chung cả lớp)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài. - GV mời HS làm việc chung cả lớp, cùng quan sát tranh và trả lời. + Em hãy quan sát tranh dưới đây và cho biết tên các loại hoa? 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài. - HS làm việc chung cả lớp: Quan sát tranh và trả lời câu hỏi: + Hình a: Hoa sen. + Hình b: Hoa cẩm chướng. + Hình c: Hoa mai. + Hình d: Hoa vạn thọ. + Hình e: Hoa hồng. + Hình g: Hoa lan. - Một số HS trả lời tên các loài hoa. <i>HS khác góp ý bổ sung.</i>



- GV mời 1 số HS nêu tên các loài hoa trong hình. HS khác góp ý bổ sung.

1.2. Nhận biết tên của một số loài cây cảnh. (Sinh hoạt nhóm 2)

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.
- GV mời HS sinh hoạt nhóm 2, cùng quan sát tranh và trả lời.
- + Em hãy quan sát tranh dưới đây và cho biết tên các loại cây cảnh?



- GV mời đại diện các nhóm trình bày: nêu tên các loài cây cảnh trong hình, các nhóm khác góp ý bổ sung.

- GV nhận xét chung, tuyên dương và chốt:
Ở nước ta có một số loài hoa, cây cảnh phổ biến như hoa đào, hoa mai, hoa sen, hoa cúc, cây vạn niên thanh, cây lưỡi hổ,...

3. Hoạt động luyện tập.

- Mục tiêu:
 - + củng cố những kiến thức về các loại hoa, cây cảnh phổ biến trong đời sống.
 - + rèn luyện kỹ năng để góp phần phát triển năng lực công nghệ, năng lực thẩm mỹ.
- Cách tiến hành:

- 1 HS đọc yêu cầu bài.
- HS sinh hoạt nhóm 2: Quan sát tranh và trả lời câu hỏi:

- + Hình a: Cây trầu bà.
- + Hình b: Cây thông bonsai.
- + Hình c: Cây ngân hâu.
- + Hình d: Cây nha đam.
- + Hình e: Cây cau lụạ vàng.
- + Hình g: Cây dong cảnh.

- Đại diện các nhóm trả lời tên các loài cây cảnh, các nhóm khác góp ý bổ sung.

- HS lắng nghe, ghi nhớ.

Hoạt động 2: Chia sẻ cùng bạn. (sinh hoạt nhóm 4)

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.
- GV mời HS sinh hoạt nhóm 4, cùng thảo luận và chia sẻ nội dung:
Ngoài những loại hoa, cây cảnh đã học trong bài, em hãy kể tên những loài hoa và cây cảnh khác mà em biết.
- GV mời Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.
- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

- 1 HS đọc yêu cầu bài.
- HS sinh hoạt nhóm 4, cùng thảo luận và chia sẻ về những loài hoa, cây cảnh mà em biết.
- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:
 - + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
 - + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mỹ.
 - + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

- GV mời HS chia sẻ về những loài hoa, cây cảnh được trồng ở nhà, giải thích lợi ích của những loại hoa, cây cảnh đó.
- GV nhận xét tuyên dương.
- Nhận xét sau tiết dạy.
- Dặn dò về nhà.

- Học sinh tham gia chia sẻ về những loài hoa, cây cảnh được trồng ở nhà, giải thích lợi ích của những loại hoa, cây cảnh đó trước lớp.
- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....
.....

Người soạn

Võ Thị Ngọc Giàu

KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	DUYỆT CỦA TỔ TRƯỞNG
Lê Thị Thanh Thương	Hoàng Thị Ngọc Hoa

